

Số: 2389 /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, nông nghiệp, biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-BNNMT ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp, khuyến nông thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 2519/QĐ-BNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và

Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 2794/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, nông nghiệp, biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể:

1. Cấp tỉnh:

- Ban hành mới: 01 thủ tục hành chính.
- Sửa đổi, bổ sung: 10 thủ tục hành chính.
- Bãi bỏ: 09 thủ tục hành chính.

2. Cấp xã:

- Sửa đổi, bổ sung: 04 thủ tục hành chính.
- Bãi bỏ: 01 thủ tục hành chính.

(Có phụ lục kèm theo, gồm: Phần A. Danh mục thủ tục hành chính; Phần B. Nội dung; thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần phải số hóa; quy trình nội bộ, liên thông, điện tử đối với từng thủ tục hành chính).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính tại nơi tiếp nhận hồ sơ, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật tất cả nội dung của thủ tục hành chính lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tích hợp, đồng bộ thủ tục hành chính lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; cập nhật quy trình nội bộ, liên thông và điện tử của từng thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ các thủ tục hành chính có số thứ tự 2,3 Mục III Phần A Phụ lục 1; Mục IX Phần A Phụ lục 1 và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính này tại Mục III, Mục IX Phần B Phụ lục 1; tại Mục XVIII Phần A Phụ lục 1 và nội dung cụ

thể của từng thủ tục hành chính tương ứng tại Mục XVIII Phần B Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung; thay thế và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (*19 thủ tục hành chính cấp tỉnh*).

2. Bãi bỏ các thủ tục hành chính tại Mục XIV Phần A Phụ lục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính tương ứng tại Mục XIV Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (*05 thủ tục hành chính cấp xã*).

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, P.KT, TTPVHCC, TTTH &CB;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ảnh).

CHỦ TỊCH



Phạm Thành Ngại



Phụ lục

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT, NÔNG NGHIỆP, BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2389 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 08 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

PHẦN A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không phụ thuộc địa giới hành chính (phi địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ BCCI	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
A. CẤP TỈNH												
I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT												
1	2.001062	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu					x	x			x	Ban hành mới
II. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP												
1	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			x			x			x	
III. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO												
1	1.009481	Công nhận khu vực biển			x		x	x			x	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không phụ thuộc địa giới hành chính (phi địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ BCCI	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	1.005401	Giao khu vực biển			x		x	x			x	
3	1.005399	Trả lại khu vực biển			x		x	x			x	
4	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển			x		x	x			x	
5	1.005189	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển		x	x		x	x			x	
6	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển		x	x		x	x			x	
7	1.000942	Trả lại giấy phép nhận chìm			x		x	x			x	
8	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	x		x		x	x			x	
9	3.000436	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	x		x		x		x		x	

B. CẤP XÃ

LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không phụ thuộc địa giới hành chính (phi địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ BCCI	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản					x	x			x	
2	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản					x	x			x	
3	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản					x	x			x	
4	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản					x	x			x	

PHẦN B. NỘI DUNG, THÀNH PHẦN HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẦN PHẢI SỐ HÓA, QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG, ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO BỆ THỰC VẬT

Quyết định số 2519/QĐ-BNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Tên TTHC: Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu - Mã TTHC: 2.001062

(1) Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã có Giấy chứng nhận hợp quy

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở địa phương (sau đây gọi là cơ quan kiểm tra).

Bước 2: Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các nội dung còn thiếu, đồng thời xác nhận việc tổ chức, cá nhân nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký kiểm tra và yêu cầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Nếu quá thời hạn nêu trên mà hồ sơ vẫn chưa được bổ sung đầy đủ, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành việc bổ sung hồ sơ.

Bước 3: Sau khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Mẫu số 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu để thực hiện thủ tục thông quan.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: Cơ quan kiểm tra yêu cầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu khắc phục trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan kiểm tra chỉ ra Thông báo lô hàng đáp ứng yêu cầu chất lượng khi có bằng chứng chứng minh việc khắc phục về nhãn theo quy định. Trường hợp không khắc phục được, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về nhãn theo Mẫu số 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng Giấy chứng nhận hợp quy không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu: Cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng, nêu rõ các nội dung không phù hợp và gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan hải quan để xử lý theo thẩm quyền.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 3 Phụ lục VII Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, trong đó ghi rõ: “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ”, gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan hải quan.

- Trường hợp phát hiện dấu hiệu rủi ro, gian lận hoặc thông tin không thống nhất giữa hồ sơ và dữ liệu quản lý, cơ quan kiểm tra ban hành Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu theo Mẫu số 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

b) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa có Giấy chứng nhận hợp quy

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại cơ quan kiểm tra. Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.

Bước 2: Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các nội dung còn thiếu, đồng thời xác nhận việc tổ chức, cá nhân nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu và yêu cầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Nếu quá thời hạn nêu trên mà hồ sơ vẫn chưa được bổ sung đầy đủ, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành việc bổ sung hồ sơ.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân làm thủ tục với cơ quan hải quan để đưa hàng hóa nhập khẩu về địa điểm bảo quản hàng hóa theo quy định của pháp luật hải quan.

Bước 4: Tổ chức, cá nhân liên hệ với tổ chức chứng nhận được chỉ định để thực hiện đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Bước 5: Sau khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, trình tự thực hiện theo quy định như bước 3 của trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã có Giấy chứng nhận hợp quy.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898.962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.

- Qua dịch vụ bưu chính.

- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp các hệ thống này gặp sự cố hoặc trường hợp bất khả kháng khiến không thể trao đổi thông tin điện tử, việc xử lý được thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã có Giấy chứng nhận hợp quy

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định cấp, trong đó có các thông tin liên quan đến hàng hóa nhập khẩu. Trường hợp Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho lô hàng, phải có các thông tin liên quan đến lô hàng nhập khẩu (tên hàng hóa; nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; khối lượng/số lượng; tờ khai hàng hóa nhập khẩu; hóa đơn). Trường hợp hàng hóa nhập khẩu là thuốc xông hơi khử trùng thì Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất tương đương Giấy chứng nhận hợp quy.

- Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn).

- Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn.

- Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm

về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.

b) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa có Giấy chứng nhận hợp quy

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

- Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn).

- Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn.

- Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: 06 ngày làm việc (bao gồm 05 ngày khắc phục và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ).

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 08 ngày làm việc không tính thời gian xin gia hạn (gồm 07 ngày bổ sung hồ sơ từ ngày tiếp nhận và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).

- Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 03 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 1 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

- Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 2 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số

37/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường Luật số 146/2025/QH15;
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;
- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- a) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã có Giấy chứng nhận hợp quy
 - Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.
 - Giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định cấp, trong đó có các thông tin liên quan đến hàng hóa nhập khẩu. Trường hợp Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho lô hàng, phải có các thông tin liên quan đến lô hàng nhập khẩu (tên hàng hóa; nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; khối lượng/số lượng; tờ khai hàng hóa nhập khẩu; hóa đơn). Trường hợp hàng hóa nhập khẩu là thuốc xông hơi khử trùng thì Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất tương đương Giấy chứng nhận hợp quy.
 - Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn).
 - Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn.
 - Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.
- b) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa có Giấy chứng nhận hợp quy
 - Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

- Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn).

- Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn.

- Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 03 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi:(tên cơ quan kiểm tra).....

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

.....

Địa chỉ:

.....

Điện thoại:Fax:

.....

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Địa chỉ tập kết hàng hóa:

.....

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

.....

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu: do Tổ chức cấp ngày: .../.../....

- Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn).

- Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn.

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn công bố áp dụng

Ngày... tháng ... năm
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA
 Vào sổ đăng ký số:

....., ngày.....tháng.....năm 20.....
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU

Mẫu số 2

(TÊN CƠ QUAN CHỦ
 QUẢN)
**TÊN CƠ QUAN KIỂM
 TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
 NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/(CQKT)

....., ngày ... tháng ... năm 20...

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ

**ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA
 NHẬP KHẨU**

STT	Hạng mục kiểm tra	Có/Không		Ghi chú
		Có	Không	
1	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.	☐	☐	
2	Giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định cấp/Chứng thư giám định chất lượng do tổ chức giám định được chỉ định cấp	☐	☐	
3	Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn)	☐	☐	
4	Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn	☐	☐	

KẾT LUẬN

- Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.
- Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục: trong thời gian 07 ngày làm việc. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ
QUẢN)
TÊN CƠ QUAN KIỂM
TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Nhà sản xuất	Khối lượng/ số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú ¹

- Cửa khẩu nhập:

.....

- Thời gian nhập khẩu:

.....

- Thuộc lô hàng có Giấy đăng ký kiểm tra số:.... ngày ... tháng ... năm 20....

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu số do....(tên đơn vị cấp)...cấp ngày: .../.../....

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

.....

- Căn cứ kiểm tra:

+ Tiêu chuẩn công bố áp dụng:

.....

+ Quy chuẩn kỹ thuật:

.....

+ Quy định khác:

.....

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Ghi một trong các nội dung:

Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì nêu lý do và các yêu cầu khác nếu có

Hoặc Lô hàng không đáp ứng yêu cầu về nhãn

Hoặc Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ

Nơi nhận:

CƠ QUAN KIỂM TRA

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, (Viết tắt tên CQKT).

¹ Các nội dung nêu tại bảng này được ghi theo Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu.

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC**1. Thời hạn giải quyết:****2. Quy trình nội bộ, liên thông điện tử:****a) Trường hợp đầy đủ hồ sơ và hợp lệ : 01 ngày làm việc**

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,5 giờ
2	Tiếp nhận, kiểm tra và xác nhận hồ sơ Dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý chuyên ngành	04 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
3	Xem xét, ký tắt Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Chi cục	0,5 giờ
4	Ký Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Sở	01 giờ
5	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC	Văn thư Sở	01 giờ
6	Chuyển trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Giờ hành chính

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi nhận hồ sơ)	0,25 giờ
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	0,25 giờ
3	Tiếp nhận, kiểm tra và xác nhận hồ sơ Dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý chuyên ngành	04 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
4	Xem xét, ký tắt Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Chi cục	0,5 giờ
5	Ký Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Sở	01 giờ
6	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC	Văn thư Sở	0,5 giờ
7	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	0,5 giờ
8	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC (nơi nhận hồ sơ)	Giờ hành chính

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhân: 06 ngày làm việc

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,5 giờ
2	Tiếp nhận, kiểm tra và xác nhận hồ sơ Dự thảo văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục	Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý chuyên ngành	01 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
3	Ký văn bản	Lãnh đạo Chi cục	0,5 giờ
4	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Tổ chức, cá nhân	Văn thư Chi cục	0,5 giờ
5	Tổ chức, cá nhân khắc phục theo yêu cầu của văn bản	Tổ chức/ cá nhân	40 giờ
6	Tiếp nhận Báo cáo khắc phục của Tổ chức, cá nhân	Văn thư Chi cục	0,5 giờ
7	Tiếp nhận, kiểm tra và xác nhận hồ sơ (Dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng)	Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý chuyên ngành	1,5 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
8	Xem xét, ký tắt Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Chi cục	0,5 giờ

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
9	Ký Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Sở	0,5 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC	Văn thư Sở	0,5 giờ
11	Chuyển trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Giờ hành chính

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết 48 giờ
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi nhận hồ sơ)	0,25 giờ
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	0,25 giờ
3	Tiếp nhận, kiểm tra và xác nhận hồ sơ Dự thảo văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục	Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý chuyên ngành	01 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
4	Ký văn bản	Lãnh đạo Chi cục	0,5 giờ
5	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Tổ chức, cá nhân	Văn thư Chi cục	0,5 giờ
6	Tổ chức, cá nhân khắc phục theo yêu cầu của văn bản	Tổ chức/ cá nhân	40 giờ

7	Tiếp nhận Báo cáo khắc phục của Tổ chức, cá nhân	Văn thư Chi cục	0,5 giờ
8	Tiếp nhận, kiểm tra và xác nhận hồ sơ (Dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng)	Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý chuyên ngành	1,5 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
9	Xem xét, ký tắt Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Chi cục	0,5 giờ
10	Ký Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Sở	0,5 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC	Văn thư Sở	0,25 giờ
12	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	0,25 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC (nơi nhận hồ sơ)	Giờ hành chính

c) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 08 ngày làm việc không tính thời gian xin gia hạn.

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,5 giờ
2	Tiếp nhận, kiểm tra và xác nhận hồ sơ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, ra	Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ

	thông báo bổ sung hồ sơ	Chuyên viên Phòng Quản lý chuyên ngành	01 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
3	Ký Thông báo	Lãnh đạo Chi cục	0,5 giờ
4	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Tổ chức, cá nhân	Văn thư Chi cục	0,5 giờ
5	Tổ chức, cá nhân bổ sung theo yêu cầu của Thông báo	Tổ chức/ cá nhân	56 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung của Tổ chức, cá nhân	Văn thư Chi cục	0,5 giờ
7	Tiếp nhận, kiểm tra và xác nhận hồ sơ (Dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng)	Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý chuyên ngành	1,5 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
8	Xem xét, ký tắt Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Chi cục	0,5 giờ
9	Ký Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Sở	0,5 giờ
10	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC	Văn thư Sở	0,5 giờ
11	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức Trung tâm phục vụ hành chính công	Giờ hành chính

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi nhận hồ sơ)	0,25 giờ
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	0,25 giờ
3	Tiếp nhận, kiểm tra và xác nhận hồ sơ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, ra thông báo bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý chuyên ngành	01 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
4	Ký Thông báo	Lãnh đạo Chi cục	0,5 giờ
5	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Tổ chức, cá nhân	Văn thư Chi cục	0,5 giờ
6	Tổ chức, cá nhân bổ sung theo yêu cầu của Thông báo	Tổ chức/ cá nhân	56 giờ
7	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung của Tổ chức, cá nhân	Văn thư Chi cục	0,5 giờ
8	Tiếp nhận, kiểm tra và xác nhận hồ sơ (Dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng)	Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
		Chuyên viên Phòng Quản lý chuyên ngành	1,5 giờ
		Lãnh đạo Phòng Quản lý chuyên ngành	0,5 giờ
9	Xem xét, ký tắt Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập	Lãnh đạo Chi cục	0,5 giờ

	khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng		
10	Ký Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng theo yêu cầu chất lượng	Lãnh đạo Sở	0,5 giờ
11	Đóng dấu vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm PVHCC	Văn thư Sở	0,25 giờ
12	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	0,25 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC (nơi nhận hồ sơ)	Giờ hành chính

II. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

(Theo Quyết định số 1738/QĐ-BNNMT ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Tên TTHC: Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Mã TTHC - 1.011647

(1) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức đầu mối của vùng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra và thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Thời gian bổ sung, sửa đổi hồ sơ là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trường hợp từ chối công nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 tại địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02773.898962 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường;
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn),

(3) Cách thức thực hiện

- Trực tiếp;
- Dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I.5 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;

+ Bản thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 2 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I.5 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

(5) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (trường hợp hồ sơ hợp lệ).

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã).

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

(9) Phí, lệ phí: Không quy định.

(10) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I.5 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;

- Bản thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 2 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I.5 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa

- Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I.5 - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ;

- Bản thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 2 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I.5 - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa

Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố...

Căn cứ quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến sản xuất, kinh doanh, (tên Doanh nghiệp...) đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Tên Doanh nghiệp/Tổ chức đại diện:.....

- Tên viết tắt (nếu có):

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:..... Fax:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

.....

2. Tên vùng sản xuất nông nghiệp đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

.....

- Số lượng tổ chức thuộc vùng:.....

3. Hồ sơ kèm theo gồm:

Bản Thuyết minh vùng sản xuất nông nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện khác theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Phần cam đoan:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai trong đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nếu được Chứng nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chúng tôi xin cam kết hoạt động đúng theo quy định của pháp luật, đúng nội dung đề nghị và chịu trách nhiệm về mọi hành vi của mình trước pháp luật.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét và chứng nhận vùng nông nghiệp

ứng dụng công nghệ cao (tên vùng)/.

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu số 02

THUYẾT MINH

VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận

- Tên Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận:.....

- Tên viết tắt (nếu có):
.....

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
.....

- Địa chỉ:
.....

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp:
.....

- Số lượng tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc vùng:.....

(Thông tin cụ thể từng Tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc vùng tại Phụ lục kèm theo)

2. Tên tổ chức đại diện:

- Tên viết tắt (nếu có):

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:

- Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....

- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: (Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp)
.....

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:, ngày cấp:....., Cơ quan cấp:

3. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 2:

- Tên viết tắt (nếu có):

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:
 - Số điện thoại: Fax:
 - Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....
 - Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: *(Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp)*
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh số:, ngày cấp:....., Cơ quan cấp:
4. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 3:
-
-

II. THUYẾT MINH SỰ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 2 QUYẾT ĐỊNH SỐ 66/2015/QĐ-TTg

1. Thuyết minh về phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị trong vùng, với các tổ chức đầu mối của vùng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong vùng ký hợp đồng thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp của vùng

(thuyết minh và đưa ra minh chứng sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong vùng).

2. Thuyết minh về sản phẩm sản xuất trong vùng

(thuyết minh về các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu vượt trội/Sản phẩm nông lâm thủy sản có giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế cao, chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc quốc gia (Viet GAP) kèm theo các minh chứng).

3. Công nghệ ứng dụng trong vùng

(nêu và mô tả các công nghệ ứng dụng trong sản xuất tại vùng, quy mô ứng dụng, tính tiên tiến của công nghệ, hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ trong việc nâng cao giá trị sản phẩm, tăng năng suất lao động kèm theo các minh chứng).

4. Thuyết minh về sự phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp của ngành và địa phương, tính chuyên canh của vùng sản xuất hàng hóa, tính liên vùng, liên thửa, điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng kỹ thuật về giao thông, thủy lợi hiện tại của vùng

(thuyết minh và đưa ra các văn bản, giấy tờ để minh chứng cho việc đáp ứng tiêu chí này).

5. Thuyết minh về quy mô vùng

(nêu rõ đối tượng sản xuất và quy mô sản xuất về diện tích đối với các sản phẩm trồng trọt và nuôi thủy sản; số lượng đầu con đối với sản phẩm chăn nuôi).

III. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Tự đánh giá

(Tự đánh giá đã đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 2 Quyết định

số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hay chưa).

2. Đề nghị

(Nêu những đề nghị về việc xem xét công nhận).

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC

a) Thời hạn thực hiện: Không quá 18 ngày làm việc (144 giờ).

b) Trình tự thực hiện:

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến Phòng chuyên môn thuộc Sở (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	04 giờ
		Chuyên viên	72 giờ
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	04 giờ
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	04 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của Sở NN&MT, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển Phòng Kinh tế	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	04 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển Chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế	16 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	04 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ
12	Đóng dấu, vào sổ và chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	04 giờ
13	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Giờ hành chính

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi nhận hồ sơ)	02 giờ
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	04 giờ
		Chuyên viên	72 giờ
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	08 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ và chuyển hồ sơ đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	04 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ của Sở NN&MT, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển Phòng Kinh tế	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	04 giờ
8	Xem hồ sơ và chuyển Chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
9	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế	16 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
11	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	04 giờ
12	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	08 giờ
13	Đóng dấu, vào sổ và chuyển kết quả đến Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	02 giờ
14	Chuyển công chức TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	02 giờ
15	Chuyển trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Giờ hành chính

III. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Tên TTHC: Công nhận khu vực biển. Mã TTHC - 1.009481

(Theo Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Công Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

- Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

- Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

Bước 3: Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển (công nhận); cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

- Người có thẩm quyền công nhận khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

- Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc

Bước 4: Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển.

Bước 5: Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển;
- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền công nhận khu vực biển xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bước 6: Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:
 - + Quầy số 14 - 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.

- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị công nhận khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản sao văn bản cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Bản chính Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được lập theo Mẫu số 12 Mục II Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

- Bản chính Sơ đồ khu vực biển được lập theo Mẫu số 05 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại khoản này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP

- Thời hạn thẩm định hồ sơ

Không quá 12 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá

12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến và đầy đủ hồ sơ. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền công nhận khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển.

Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP; trường hợp không công nhận khu vực biển phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

(9) Phí, lệ phí: Không có quy định

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận khu vực biển.
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 11/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành; tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 51/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành;

- Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

- Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 18 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển;

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển; Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc Bản sao điện tử văn bản có chứng thực cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển;

- Sơ đồ khu vực biển.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá: Quyết định công nhận khu vực biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh...

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số ... cấp ngày ... tháng ... năm ... thay đổi lần ... (nếu thay đổi) ngày ... tháng ... năm ... hoặc Đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn
 (Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

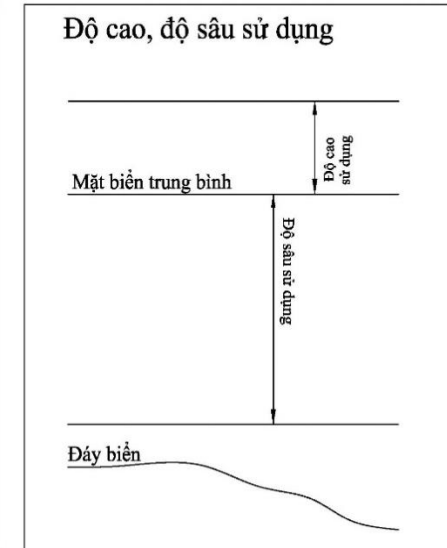
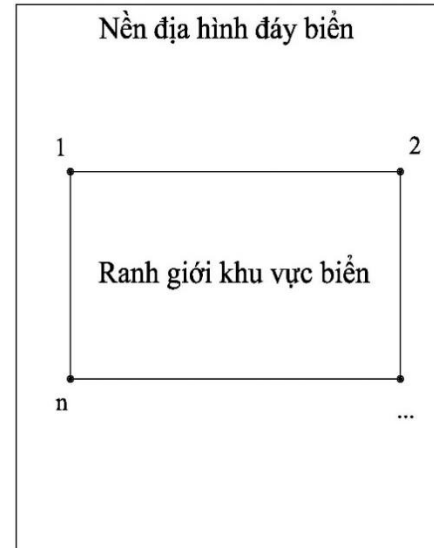
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển. ... (m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trục... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải: Khu vực biển sử dụng

----- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

 Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Số: /QĐ-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày... tháng... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường .. ;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc ; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày... tháng... năm.....của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại .. ;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho: (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8..... (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,...., (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

-;
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cơ quan Thuế
- UBND xã ..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

Chữ ký số của tổ
chức (nếu là biểu mẫu
điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mẫu số 12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....
- Chức vụ.....
- Năm sinh.....
- Quốc tịch.....
- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....
- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....
- Mục đích sử dụng.....
- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....
- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).
- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực

biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:
- Mục đích hoạt động:.....
- Quy mô hoạt động:
- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

(Ký tên, đóng dấu)

THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

[illegible]

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC:

1. Thời gian thực hiện: 12 ngày và 04 ngày làm việc.

2. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	04 giờ
2	Thẩm định giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	11 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế	08 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
12	Đóng dấu, vào sổ, chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 2.

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC	02 giờ
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	11 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
8	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
9	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Phòng Kinh tế	08 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Phòng Kinh tế	02 giờ
11	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
12	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
13	Đóng dấu, vào sổ, chuyển chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
14	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	02 giờ
15	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 3.

2. Tên TTHC: Giao khu vực biển. Mã TTHC - 1.005401

(Theo Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Trong thời hạn không quá 40 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền giao khu vực biển kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

- Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

- Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị giao khu vực biển như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ đã quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;

- Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị giao khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

- Trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

- Trường hợp trong quá trình xem xét, cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển cho tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã lấy ý kiến các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP về tọa độ, diện tích, mục đích, thời hạn sử dụng khu vực biển nơi đề nghị giao khu vực biển và văn bản ý kiến của các cơ quan này được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị giao khu vực biển thì cơ quan có thẩm quyền giao khu

vực biển quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP không phải thực hiện thủ tục lấy ý kiến theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

Bước 4: Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc, thời gian kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Bước 5: Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.

Bước 6: Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bước 7: Quyết định giao khu vực biển được gửi đến Thuế tỉnh và các cơ quan nhà nước có liên quan.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:
 - + Quầy số 14 – 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

4.1. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển bao gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản;
- Bản sao một trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định hoặc các văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường;
- Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.
- Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 14 của Mục II Phụ lục Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; dự án nuôi trồng thủy sản trên biển đối với hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

4.2. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 bao gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản;

- Phương án nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 16 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

4.3. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

- Bản sao văn bản cho phép, giao nhiệm vụ hoặc quyết định phê duyệt thuyết minh, đề cương thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nuôi trồng thủy sản và nhiệm vụ khoa học, công nghệ biển khác có sử dụng diện tích khu vực biển cố định;

- Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao được lập theo Mẫu số 05 của Mục III phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP);

4.4. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển bao gồm:

- Đơn đề nghị giao khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

- Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển theo Mẫu số 15 của Mục II Phụ lục Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

- Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nếu là tổ chức nước ngoài; văn bản chứng minh năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân nước ngoài;

- Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc, diện tích, độ sâu, độ cao của khu vực biển đề nghị sử dụng;

- Các văn bản, tài liệu khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn thẩm định hồ sơ

Không quá 40 ngày kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

- + Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định.
- + Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).
- + Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

+ Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

+ Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

+ Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu 06 mục III Phụ lục của Nghị định số 44/2026/NĐ-CP, trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

(9) Phí, lệ phí: Không có quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao/công nhận khu vực biển.
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định giao khu vực biển.
Mẫu số 14	Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển
Mẫu số 15	Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển
Mẫu số 16	Phương án nuôi trồng thủy sản trên biển đối với hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2025/QH15
Mẫu số 17	Thuyết minh dự án nuôi trồng thủy sản trên biển đối với hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao;

- Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/NĐ-CP;

- Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;
- Bản sao một trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định hoặc các văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao.
- Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển.
- Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/ điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển.
- Phương án nuôi trồng thủy sản trên biển đối với hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.
- Thuyết minh dự án nuôi trồng thủy sản trên biển đối với hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

- Quyết định giao khu vực biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số ... cấp ngày ... tháng ... năm ... thay đổi lần ... (nếu thay đổi) ngày ... tháng ... năm ... hoặc Đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc sổ định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m; từ ... m đến ... m; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ... được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển hoặc danh mục tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao đối với Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan.

....., ngày ... tháng ... năm
TỔ CHỨC CÁ NHÂN LÀM ĐƠN
(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

**DANH MỤC TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GIỚI HẠN CỦA KHU VỰC BIỂN
ĐỀ NGHỊ GIAO**

*(Kèm theo đơn đề nghị giao khu vực biển của để nuôi trồng thủy sản
theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung tại Luật
số 146/2025/QH15)*

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			

Địa điểm tại khu vực biển ... xã... tỉnh...

Diện tích của khu vực biển:(ha/m²)

Độ sâu khu vực biển sử dụng: (m)

Độ cao khu vực biển sử dụng: (m)

Ghi chú:

Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 với kinh tuyến trực địa phương theo quy định của pháp luật về đo đạc bản đồ.

Độ cao, độ sâu khu vực biển so với mặt nước biển trung bình.

Các tọa độ vuông góc, diện tích, độ cao, độ sâu được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

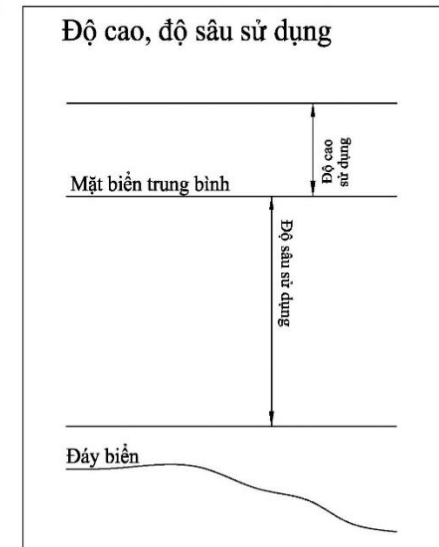
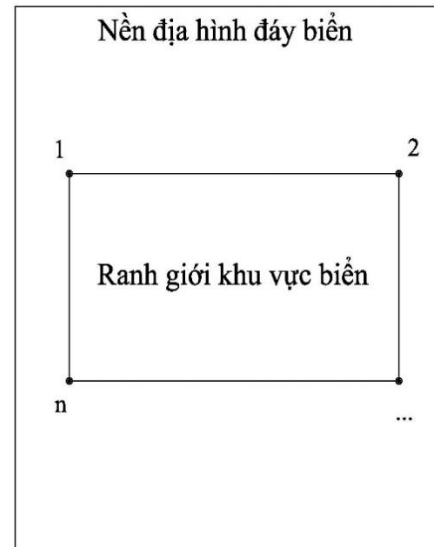
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển. ... (m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng

 Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

đảo)...km.

- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

~~Đường 03 hải lý (nếu có)~~  Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Số: /QĐ-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày... tháng... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc ; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày... tháng... năm của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại ..;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho: (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8..... (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân).....có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,...., (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

-;

- BNNMT/BHĐ;

- Sở NNMT tỉnh ...;

- Cơ quan Thuế

- UBND xã ..;

- Tên tổ chức, cá nhân;

- Lưu: VT, HS.

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN
(Đề nghị giao sử dụng khu vực biển để.....)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)
(Chức danh)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

(Họ và tên)

Địa danh, năm ...

A. MỞ ĐẦU

- Giới thiệu tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị giao khu vực biển; trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan đến mục đích sử dụng khu vực biển.
- Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ đề nghị giao khu vực biển.
- Mục tiêu hoạt động sử dụng biển; sự phù hợp với quy hoạch; lý do lựa chọn khu vực biển đề xuất.
- Tổng quan về dự án có liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển; khái quát nội dung cơ bản của đề nghị giao khu vực biển; phương án bố trí công trình, phương tiện, thiết bị trên biển; quy mô dự án (công suất, sản lượng, số lượng công trình...); giai đoạn thực hiện: khảo sát - xây dựng - vận hành - chấm dứt hoạt động.

I. Điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế, xã hội khu vực biển đề nghị giao

1. Thông tin khái quát về vị trí khu vực biển đề nghị giao; các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội.
2. Hiện trạng các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở vùng biển nơi có khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

II. Phương án sử dụng khu vực biển

1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị giao. Thuyết minh căn cứ, cơ sở tính toán, xác định phạm vi khu vực biển đề nghị được giao để sử dụng; hành lang an toàn các công trình, thiết bị (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành; độ cao, độ sâu khu vực biển dự kiến sử dụng.
2. Nhu cầu sử dụng khu vực biển để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân.
3. Các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Các quy hoạch liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển, vị trí khu vực biển đề nghị giao; việc bảo đảm các yêu cầu trong trường hợp chưa có các quy hoạch theo quy định.
4. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển.
5. Các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao.
 - Thuyết minh về các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao; phạm vi ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển dự kiến thực hiện đến các hoạt động khác xung quanh.
 - Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt

(nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có); các hoạt động khoan, đào, vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có).

- Phương án bảo đảm an toàn, phòng chống thiên tai, ứng cứu sự cố; an toàn công trình, an toàn hàng hải; kế hoạch ứng cứu tai nạn, tràn dầu, hóa chất, cháy nổ; thiết bị chuyên dụng và lực lượng bảo đảm an toàn trên biển..

6. Kế hoạch, tiến độ thực hiện các hoạt động sử dụng khu vực biển.

7. Phương án chấm dứt hoạt động và phục hồi môi trường; trình tự, biện pháp tháo dỡ công trình; phương án khôi phục hiện trạng ban đầu hoặc tạo giá trị mới; kinh phí và cơ chế bảo đảm tài chính.

III. Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển

1. Đánh giá, thuyết minh về hoạt động sử dụng khu vực biển với việc bảo đảm phù hợp với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng của khu vực biển theo phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên biển trên tiếp cận hệ sinh thái; đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học biển và hải đảo, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Đánh giá về các ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với việc đảm bảo lợi ích của tổ chức, cá nhân khác đang được phép tiến hành hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp tại vùng biển liên quan; việc bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

3. Đánh giá về các ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đang được tiến hành hợp pháp tại khu vực; ảnh hưởng đến công trình cảng biển và luồng hàng hải, việc đi lại của tàu thuyền, công trình dầu khí, đường cáp quang, cáp điện tại khu vực; ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực; ảnh hưởng đến tài nguyên, hệ sinh thái biển, hải đảo tại khu vực; ảnh hưởng đến địa hình đáy biển và xói lở, bồi tụ bờ biển.

4. Thuyết minh về các điều chỉnh, bổ sung nội dung của hoạt động sử dụng khu vực biển và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5. Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

B. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

II. Kiến nghị

C. CAM KẾT

Các thông tin, số liệu, tài liệu, sơ đồ, kết quả khảo sát và nội dung trình bày trong Thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển là chính xác, trung thực, hợp pháp và được thu thập theo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và hợp lệ của toàn bộ nội dung, số liệu, tài liệu kèm theo Thuyết minh.

Trường hợp thông tin, số liệu sai lệch, không trung thực hoặc gây ảnh hưởng đến việc giao khu vực biển, tổ chức, cá nhân cam kết chấp hành mọi biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân cam kết cung cấp bổ sung các tài liệu phát sinh theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và phối hợp chặt chẽ trong suốt quá trình thẩm định hồ sơ.

D. TÀI LIỆU KÈM THEO

Liệt kê các văn bản, tài liệu có liên quan.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(địa danh), ngày..... tháng.....năm.....

**BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/
ĐO ĐẠC/QUAN TRẮC/ĐIỀU TRA/THĂM DÒ/KHẢO SÁT TRÊN BIỂN**

1. Thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển; thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân (nhà thầu, tư vấn...) trực tiếp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan.

2. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển.

3. Vị trí, tọa độ, ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển đề nghị thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển (chi tiết cho từng hạng mục). Các thông tin khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên ở khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

4. Kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển (bao gồm thời hạn, lịch trình chi tiết cho từng hạng mục).

5. Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có).

6. Mô tả chi tiết các hoạt động khảo sát địa vật lý, khảo sát địa kỹ thuật; vị trí, số lượng, phương thức lấy mẫu, loại mẫu thực hiện (nếu có); vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có); mô tả chi tiết phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường sau khi khoan.

7. Tác động đến môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường khi thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển ở khu vực biển đề nghị giao.

8. Dự kiến thông tin, dữ liệu thu thập; phương thức thu thập, lưu trữ, truyền thông tin, dữ liệu; việc sử dụng thông tin, dữ liệu thu thập được.

9. Dự án, hoạt động dự kiến thực hiện, diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng; hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án, hoạt động dự kiến thực hiện sau khi hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN*Ký (đóng dấu)***(Họ và tên)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN

*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cá nhân thực hiện:
2. Địa chỉ thường trú:
3. Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:
4. Số điện thoại liên hệ:
5. Email:
6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

1. Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)
2. Tọa độ địa lý:
3. Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha
4. Sơ đồ khu vực nuôi:
5. Thời gian đề nghị giao khu vực biển:
6. Diện tích nuôi:
7. Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

1. Số lượng lồng/bè:
2. Tổng thể tích lồng bè (m^3):
3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):
4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

1. Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hào, rong biển...và tên khoa học)
2. Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)
3. Kích cỡ giống thả:
4. Mật độ thả giống (con/ m^3):
5. Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)
6. Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

1. Chuẩn bị lồng nuôi
2. Kỹ thuật thả giống
3. Kiểm tra điều kiện nuôi
4. Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)
5. Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)
6. Chế độ chăm sóc và quản lý:
7. Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:
8. Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:
9. Xử lý sống thoát.
10. Thời gian ngắt vụ/ngỉ giữa 2 vụ.
11. Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.
12. Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.
13. Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

1. Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...
2. Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...
3. Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm
2. Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm
3. Chi phí đầu tư và vận hành:
4. Lợi nhuận dự kiến:
5. Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

1. Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.
3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.
4. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH DỰ ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
*(Áp dụng cho chủ thể là tổ chức đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

Chương I
GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

1. Giới thiệu về chủ đầu tư
2. Mô tả sơ bộ thông tin dự án: địa điểm thực hiện, hình thức đầu tư (tư nhân, hợp tác xã, liên doanh...),...
3. Mục tiêu của dự án:
4. Thời gian thực hiện dự án:

Chương II
CĂN CỨ XÁC ĐỊNH SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Căn cứ pháp lý (Luật Thủy sản, Luật Đầu tư, Nghị định liên quan, quy hoạch phát triển vùng biển v.v.)
2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng thực hiện dự án
3. Khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra của dự án
4. Kết luận về sự cần thiết đầu tư

Chương III
ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Vị trí địa lý (địa điểm, các nguyên tắc lựa chọn địa điểm,...)
2. Điều kiện tự nhiên (nhiệt độ, độ sâu, độ mặn, dòng chảy, bão...)
3. Phân tích rủi ro và ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu
4. Mức độ phù hợp với loài thủy sản dự kiến nuôi
5. Hiện trạng nơi sản xuất
6. Nhận xét chung

Chương IV
QUY MÔ DỰ ÁN - TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Loài nuôi và hình thức nuôi
 - Loài thủy sản nuôi (cá biển, tôm hùm, hàu, nhum biển, bào ngư...)
 - Nguồn gốc giống (tự sản xuất hay nhập giống từ trung tâm)
 - Mô hình nuôi:
 - + Nuôi trong lồng bè truyền thống/lồng HDPE
 - + Nuôi đơn loài hoặc đa loài kết hợp (integrated multitrophic aquaculture - IMTA)
 - + Ứng dụng công nghệ cao (giám sát từ xa, cho ăn tự động, AI...)
- Mô tả cụ thể
2. Quy mô đầu tư dự án: Diện tích mặt nước sử dụng (số lồng, tổng diện tích, chiều sâu...); sơ đồ bố trí hệ thống nuôi; chu kỳ nuôi: ...tháng/vụ nuôi; sản lượng thu hoạch dự kiến/vụ.
3. Hạng mục công trình – thiết bị: thiết bị, vật tư, công nghệ sử dụng.

Chương V

GIỚI THIỆU QUY TRÌNH SẢN XUẤT

1. Quy trình kỹ thuật nuôi: chọn giống, thả giống, chăm sóc, thu hoạch
2. Quản lý môi trường vùng nuôi
3. Kế hoạch triển khai dự án:
 - Các giai đoạn thực hiện:
 - + Khảo sát – Thiết kế – Xin phép
 - + Giai đoạn xây dựng hạ tầng và lắp đặt thiết bị
 - + Giai đoạn nuôi thử nghiệm
 - + Giai đoạn vận hành chính thức
 - Tiến độ triển khai chi tiết theo tháng/năm

Chương VI

HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nội dung tổng mức đầu tư
 - Vốn cố định
 - Vốn lưu động
2. Nguồn vốn đầu tư dự án (phân bổ, phân kỳ đầu tư, phương án hoàn vốn và chi phí lãi vay,...)
3. Các giả định kinh tế và cơ sở tính toán
4. Tính toán chi phí của dự án: Chi phí đầu tư ban đầu (lồng bè, con giống, hạ tầng, tàu thuyền...); chi phí vận hành hàng năm (nhân công, thức ăn, bảo trì, quản lý)...
5. Doanh thu từ dự án: Giá bán và doanh thu dự kiến.
6. Các chỉ tiêu kinh tế của dự án, đóng góp cho kinh tế địa phương

7. Các chỉ tiêu xã hội của dự án: số lượng lao động tham gia, thu nhập cho người lao động...

8. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường:

- Lợi nhuận ròng, thời gian hoàn vốn;
- Phân tích điểm hòa vốn

Chương VII

TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Tác động tích cực và tiêu cực tới môi trường
2. Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, đảm bảo sinh thái biển

Chương VIII

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

1. Khẳng định tính khả thi về kỹ thuật, tài chính, môi trường
2. Cam kết thực hiện đúng quy định pháp luật
3. Kiến nghị hỗ trợ (hạ tầng, tín dụng, đào tạo, quy hoạch vùng nuôi...)

....., ngày.....tháng..... năm.....

CHỦ DỰ ÁN
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC:

1. Thời gian thực hiện: 40 ngày và 04 ngày làm việc.

2. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,5 ngày
2	Thẩm định giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	38,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Phòng Kinh tế	08 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Phòng Kinh tế	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
12	Đóng dấu, vào sổ, chuyển chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 2.

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân,	Công chức TTPVHCC	0,25 ngày

	tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)		
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	0,25 ngày
3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	38,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
8	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
9	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Phòng Kinh tế	08 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Phòng Kinh tế	02 giờ
11	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
12	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
13	Đóng dấu, vào sổ, chuyển chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
14	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	02 giờ
15	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 3.

3. Tên TTHC: Trả lại khu vực biển. Mã TTHC - 1.005399

(Theo Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

- Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

- Xác định số tiền sử dụng khu vực biển được hoàn trả (nếu có); các khoản nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện.

Bước 3: Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

- Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

Bước 4: Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này

không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển..

Bước 5: Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền quyết định cho phép trả lại khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không cho phép trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bước 6: Quyết định cho phép trả lại khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:
 - + Quầy số 14 - 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

- Bản chính Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 12 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

- Bản chính Sơ đồ khu vực biển (đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực biển) theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

+ Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

- Thời hạn thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian xin ý kiến các cơ quan có liên quan không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân

không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

- *Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ*

Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

- *Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ*: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cho phép trả lại khu vực biển theo Mẫu 07 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, trường hợp không ra quyết định, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại một phần khu vực biển, việc cho phép trả lại được thể hiện bằng Quyết định giao khu vực biển mới đối với phần diện tích khu vực biển còn lại. Trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do

(9) Phí, lệ phí: Không có quy định

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại khu vực biển.
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân được trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển đã được giao khi không còn nhu cầu sử dụng;
- Tổ chức, cá nhân trả lại khu vực biển phải thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao mà trả lại; phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác tài nguyên không tái tạo không được trả lại một phần diện tích khu vực biển đã được giao;
- Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ trả lại khu vực biển theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 2 Nghị định 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;
- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Bản chính Đơn đề nghị trả lại khu vực biển.
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;
- Bản chính Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển.
- Sơ đồ khu vực biển

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

- Quyết định cho phép trả lại khu vực biển
- Quyết định giao khu vực biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

- Quyết định thành lập số..., ngày... tháng... năm... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số....cấp ngày.... thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm. (trường hợp đối với tổ chức).

- Ngày,tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc sổ định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

- Đề nghị được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc giao khu vực biển.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn*(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)*

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN**Mẫu số 05**

(Còn lại sau khi đã trả một phần khu vực biển)

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

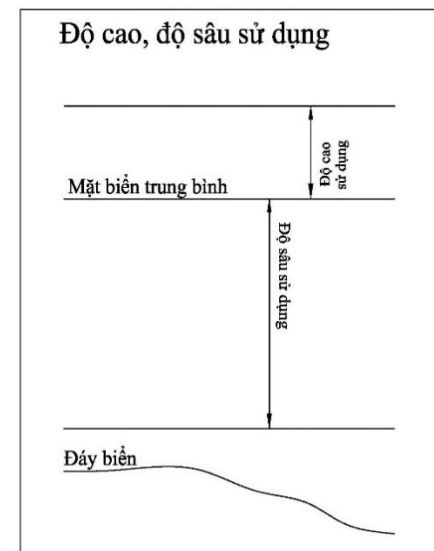
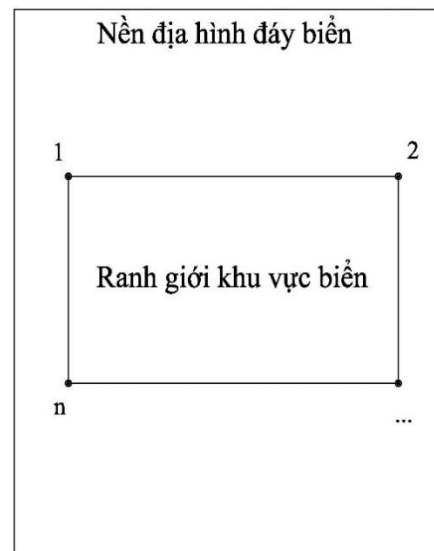
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển. ... (m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng

 Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

 Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**Mẫu số 07
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại khu vực biển****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ...;¹**Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (tên tổ chức, cá nhân)**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được trả lại khu vực biển hoặc trả lại một phần khu vực biển với diện tíchha trên tổng số diện tích khu vực biển đã giao là ...ha theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày..... tháng ... năm Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trụ sở/địa chỉ:.....Điện thoại: Fax:Email.....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) ... phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển trong thời gian sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường tại khu vực biển được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

¹ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

3.....

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và tổ chức, cá nhân... có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNN&MT/TCBHĐVBN;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- Cục Thuế cấp tỉnh....;
- UBND huyện...;
- Phòng NN&MT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Số: /QĐ-UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân
khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng
3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định
số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc
giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài
nguyên biển;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan
quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc ;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của
(tên tổ chức, cá nhân). nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ
tục hành chính/Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ Nông nghiệp và Môi
trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh/Phòng Nông nghiệp và Môi
trường cấp huyện.);**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.****1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được
giao khu vực biển).****- Mục đích sử dụng khu vực biển:**

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:.....

- (các nội dung khác nếu có)

2. Cho phép trả lại ... (trường hợp cho phép trả lại một phần khu vực biển).

- Cho phép trả lại khu vực biển có diện tích:... (ha/m²); vị trí, tọa độ khu vực biển trả lại tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với phần diện tích ha/m² được phép trả lại cho đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa

được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.... có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều. ...;
- BNNMT/CBHDVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban,
- cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ... ;
- Cục Thuế tỉnh. ...;
- UBND huyện...;
- Phòng NNMT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo

Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mẫu số 12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC:

1. Thời gian thực hiện: 20 ngày và 04 ngày làm việc.

2. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,5 ngày
2	Thẩm định giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	18,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế	08 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
12	Đóng dấu, vào sổ, chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 2.

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC	0,25 ngày
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	0,25 ngày
3	Giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	18,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
8	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
9	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Phòng Kinh tế	08 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Phòng Kinh tế	02 giờ
11	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
12	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
13	Đóng dấu, vào sổ, chuyển chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
14	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	02 giờ
15	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 3.

4. Tên TTHC: Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển. Mã TTHC – 1.005400

(Theo Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Trong thời hạn không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

- Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

- Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

Bước 3: Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

- Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

- Trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có sự thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi

trồng thủy sản trên biển (sửa đổi) theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển;

- Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

Bước 4: Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

Bước 5: Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ra quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một

cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bước 6: Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:
 - + Quầy số 14 – 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 10 – 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện

- Trực tiếp.
- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 hoặc Mẫu số 17 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản.

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thể hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 12 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

- Sơ đồ khu vực biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu

vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao.

Tổ chức, cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại Điều này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

- Thời hạn thẩm định hồ sơ

Không quá 25 ngày kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

+ Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển

Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06a Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

(9) Phí, lệ phí: Không có quy định

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.
Mẫu số 06a	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 16	Phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển)
Mẫu số 17	Thuyết minh dự án nuôi trồng thủy sản (Áp dụng cho chủ thể là tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển)

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Quyết định giao khu vực biển được xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển nhưng

không làm thay đổi về sở hữu của tổ chức, cá nhân trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

- Thay đổi về sở hữu của tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển trong trường hợp nếu cá nhân hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân đã chết mà có người thừa kế;

- Tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển chuyển nhượng dự án đầu tư gắn với quyền sử dụng khu vực biển (chỉ được thực hiện khi khu vực biển đó đã được đầu tư theo dự án); thay đổi nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, chấp thuận, điều chỉnh theo quy định của pháp luật đầu tư; chia tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp;

- Thay đổi về độ sâu; chiều cao công trình, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao do đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được điều chỉnh; tăng diện tích sử dụng khu vực biển trong trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc điều chỉnh văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển; thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao trong trường hợp một phần khu vực biển bị thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật;

- Thay đổi nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nuôi trồng thủy sản và nhiệm vụ khoa học, công nghệ biển khác có sử dụng diện tích khu vực biển có định dẫn đến thay đổi nội dung quyết định giao khu vực biển.

b) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

c) Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực;

d) Việc sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển được thể hiện bằng quyết định giao khu vực biển mới. Thời hạn giao khu vực biển là thời hạn còn lại của quyết định giao khu vực biển trước đó;

đ) Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển trước khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư gắn với quyền sử dụng khu vực biển, thay đổi nhà đầu tư; chia tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính

phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển;

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển; Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc Bản sao điện tử văn bản có chứng thực cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển;

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá: Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày... tháng... năm... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số....cấp ngày....thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm... (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển số....., ngày tháng năm của: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh... về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã..., huyện....

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

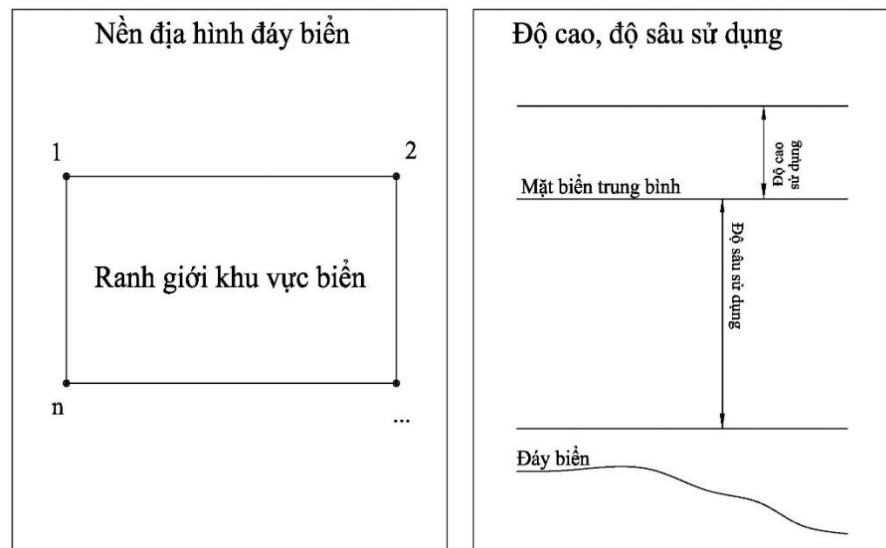
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.... (m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải: Khu vực biển sử dụng

----- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

 Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ văn bản ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc.....; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Xét đơn và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại...;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số /QĐ-UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân).....có nghĩa vụ:

1. Thực hiện các nghĩa vụ tại Quyết định này và Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển.

2. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định Quyết định này và Quyết định số/QĐ-UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
-;
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh....;
- Cơ quan Thuế....
- UBND xã..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH/

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

Mẫu số 14

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN**BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN**
(Đề nghị giao sử dụng khu vực biển để.....)**ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)**
(Chức danh)**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(Chức danh)*Ký (đóng dấu nếu có)**Ký (đóng dấu nếu có)***(Họ và tên)****(Họ và tên)****Địa danh, năm ...**

A. MỞ ĐẦU

- Giới thiệu tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị giao khu vực biển; trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan đến mục đích sử dụng khu vực biển.
- Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ đề nghị giao khu vực biển.
- Mục tiêu hoạt động sử dụng biển; sự phù hợp với quy hoạch; lý do lựa chọn khu vực biển đề xuất.
- Tổng quan về dự án có liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển; khái quát nội dung cơ bản của đề nghị giao khu vực biển; phương án bố trí công trình, phương tiện, thiết bị trên biển; quy mô dự án (công suất, sản lượng, số lượng công trình...); giai đoạn thực hiện: khảo sát - xây dựng - vận hành - chấm dứt hoạt động.

I. Điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế, xã hội khu vực biển đề nghị giao

1. Thông tin khái quát về vị trí khu vực biển đề nghị giao; các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội.
2. Hiện trạng các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở vùng biển nơi có khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

II. Phương án sử dụng khu vực biển

1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị giao. Thuyết minh căn cứ, cơ sở tính toán, xác định phạm vi khu vực biển đề nghị được giao để sử dụng; hành lang an toàn các công trình, thiết bị (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành; độ cao, độ sâu khu vực biển dự kiến sử dụng.
2. Nhu cầu sử dụng khu vực biển để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân.
3. Các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Các quy hoạch liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển, vị trí khu vực biển đề nghị giao; việc bảo đảm các yêu cầu trong trường hợp chưa có các quy hoạch theo quy định.
4. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển.
5. Các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao.
 - Thuyết minh về các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao; phạm vi ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển dự kiến thực hiện đến các hoạt động khác xung quanh.
 - Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt

(nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có); các hoạt động khoan, đào, vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có).

- Phương án bảo đảm an toàn, phòng chống thiên tai, ứng cứu sự cố; an toàn công trình, an toàn hàng hải; kế hoạch ứng cứu tai nạn, tràn dầu, hóa chất, cháy nổ; thiết bị chuyên dụng và lực lượng bảo đảm an toàn trên biển..

6. Kế hoạch, tiến độ thực hiện các hoạt động sử dụng khu vực biển.

7. Phương án chấm dứt hoạt động và phục hồi môi trường; trình tự, biện pháp tháo dỡ công trình; phương án khôi phục hiện trạng ban đầu hoặc tạo giá trị mới; kinh phí và cơ chế bảo đảm tài chính.

III. Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển

1. Đánh giá, thuyết minh về hoạt động sử dụng khu vực biển với việc bảo đảm phù hợp với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng của khu vực biển theo phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên biển trên tiếp cận hệ sinh thái; đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học biển và hải đảo, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Đánh giá về các ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với việc đảm bảo lợi ích của tổ chức, cá nhân khác đang được phép tiến hành hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp tại vùng biển liên quan; việc bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

3. Đánh giá về các ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đang được tiến hành hợp pháp tại khu vực; ảnh hưởng đến công trình cảng biển và luồng hàng hải, việc đi lại của tàu thuyền, công trình dầu khí, đường cáp quang, cáp điện tại khu vực; ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực; ảnh hưởng đến tài nguyên, hệ sinh thái biển, hải đảo tại khu vực; ảnh hưởng đến địa hình đáy biển và xói lở, bồi tụ bờ biển.

4. Thuyết minh về các điều chỉnh, bổ sung nội dung của hoạt động sử dụng khu vực biển và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5. Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

B. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

II. Kiến nghị

C. CAM KẾT

Các thông tin, số liệu, tài liệu, sơ đồ, kết quả khảo sát và nội dung trình bày trong Thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển là chính xác, trung thực, hợp pháp và được thu thập theo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và hợp lệ của toàn bộ nội dung, số liệu, tài liệu kèm theo Thuyết minh.

Trường hợp thông tin, số liệu sai lệch, không trung thực hoặc gây ảnh hưởng đến việc giao khu vực biển, tổ chức, cá nhân cam kết chấp hành mọi biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân cam kết cung cấp bổ sung các tài liệu phát sinh theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và phối hợp chặt chẽ trong suốt quá trình thẩm định hồ sơ.

D. TÀI LIỆU KÈM THEO

Liệt kê các văn bản, tài liệu có liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN

*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung
Quyết định giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m3):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hào, rong biển... và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m3):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sống thoát.

Thời gian ngắt vụ/ngỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH DỰ ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
*(Áp dụng cho chủ thể là tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung
Quyết định giao khu vực biển)*

Chương I
GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

1. Giới thiệu về chủ đầu tư
2. Mô tả sơ bộ thông tin dự án: địa điểm thực hiện, hình thức đầu tư (tư nhân, hợp tác xã, liên doanh...),...
3. Mục tiêu của dự án:
4. Thời gian thực hiện dự án:

Chương II
CĂN CỨ XÁC ĐỊNH SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Căn cứ pháp lý (Luật Thủy sản, Luật Đầu tư, Nghị định liên quan, quy hoạch phát triển vùng biển v.v.)
2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng thực hiện dự án
3. Khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra của dự án
4. Kết luận về sự cần thiết đầu tư

Chương III
ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Vị trí địa lý (địa điểm, các nguyên tắc lựa chọn địa điểm,...)
2. Điều kiện tự nhiên (nhiệt độ, độ sâu, độ mặn, dòng chảy, bão...)
3. Phân tích rủi ro và ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu
4. Mức độ phù hợp với loài thủy sản dự kiến nuôi
5. Hiện trạng nơi sản xuất
6. Nhận xét chung

Chương IV
QUY MÔ DỰ ÁN - TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Loài nuôi và hình thức nuôi
- Loài thủy sản nuôi (cá biển, tôm hùm, hào, nhum biển, bào ngư...)

- Nguồn gốc giống (tự sản xuất hay nhập giống từ trung tâm)
- Mô hình nuôi:
 - + Nuôi trong lồng bè truyền thống/lồng HDPE
 - + Nuôi đơn loài hoặc đa loài kết hợp (integrated multitrophic aquaculture - IMTA)
 - + Ứng dụng công nghệ cao (giám sát từ xa, cho ăn tự động, AI...)
- Mô tả cụ thể
- 2. Quy mô đầu tư dự án: Diện tích mặt nước sử dụng (số lồng, tổng diện tích, chiều sâu...); sơ đồ bố trí hệ thống nuôi; chu kỳ nuôi: ...tháng/vụ nuôi; sản lượng thu hoạch dự kiến/vụ.
- 3. Hạng mục công trình – thiết bị: thiết bị, vật tư, công nghệ sử dụng.

Chương V

GIỚI THIỆU QUY TRÌNH SẢN XUẤT

1. Quy trình kỹ thuật nuôi: chọn giống, thả giống, chăm sóc, thu hoạch
2. Quản lý môi trường vùng nuôi
3. Kế hoạch triển khai dự án:
 - Các giai đoạn thực hiện:
 - + Khảo sát – Thiết kế – Xin phép
 - + Giai đoạn xây dựng hạ tầng và lắp đặt thiết bị
 - + Giai đoạn nuôi thử nghiệm
 - + Giai đoạn vận hành chính thức
 - Tiến độ triển khai chi tiết theo tháng/năm

Chương VI

HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nội dung tổng mức đầu tư
 - Vốn cố định
 - Vốn lưu động
2. Nguồn vốn đầu tư dự án (phân bổ, phân kỳ đầu tư, phương án hoàn vốn và chi phí lãi vay,...)
3. Các giả định kinh tế và cơ sở tính toán
4. Tính toán chi phí của dự án: Chi phí đầu tư ban đầu (lồng bè, con giống, hạ tầng, tàu thuyền...); chi phí vận hành hàng năm (nhân công, thức ăn, bảo trì, quản lý)...
5. Doanh thu từ dự án: Giá bán và doanh thu dự kiến.
6. Các chỉ tiêu kinh tế của dự án, đóng góp cho kinh tế địa phương
7. Các chỉ tiêu xã hội của dự án: số lượng lao động tham gia, thu nhập cho người lao động...
8. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường:
 - Lợi nhuận ròng, thời gian hoàn vốn;
 - Phân tích điểm hòa vốn

Chương VII
TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Tác động tích cực và tiêu cực tới môi trường
2. Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, đảm bảo sinh thái biển

Chương VIII
KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

1. Khẳng định tính khả thi về kỹ thuật, tài chính, môi trường
2. Cam kết thực hiện đúng quy định pháp luật
3. Kiến nghị hỗ trợ (hạ tầng, tín dụng, đào tạo, quy hoạch vùng nuôi...)

....., ngày.....tháng..... năm.....

CHỦ DỰ ÁN
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC

1. Thời gian thực hiện: 25 ngày và 04 ngày làm việc.

2. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	04 giờ
2	Thẩm định giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	24 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế	06 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
12	Đóng dấu, vào sổ, chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 2.

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC	02 giờ
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	02 giờ
3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	24 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
8	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
9	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế	06 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
11	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
12	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
13	Đóng dấu, vào sổ, chuyển chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	01 giờ
14	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	01 giờ
15	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 3.

5. Tên TTHC: Cấp giấy phép nhận chìm ở biển. Mã TTHC - 1.005189

(Theo Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, dịch vụ bưu chính hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

- Hội đồng thẩm định hồ sơ: Dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Đối với các dự án còn lại, trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu với UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định cấp Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bước 5 thông báo và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:

- + Quầy số 14 - 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương,

phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Dự án nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 03 hoặc Mẫu số 03a quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm ở biển thì không phải nộp tài liệu này;

- Sơ đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

+ Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.

Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

(9) Phí, lệ phí:

Thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận

chìm ở biển: 22.500.000 đồng/giấy phép.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016
Mẫu số 03a	Dự án nhận chìm ở biển đối với các dự án khác	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026
Mẫu số 03	Dự án nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển	
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển	
Mẫu số 11a	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác	
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm	

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Vật, chất được phép nhận chìm đáp ứng các Điều kiện sau đây:

- Không chứa chất phóng xạ, chất độc vượt quy chuẩn kỹ thuật an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
- Được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; bảo đảm không tác động có hại đến sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái, nguồn lợi thủy sản.
- Không thể đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền hoặc việc đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền không hiệu quả về kinh tế - xã hội.
- Thuộc Danh mục vật, chất được nhận chìm ở biển.

Có phương án nhận chìm bảo đảm yêu cầu: việc nhận chìm ở biển không được gây ra tác động có hại đến sức khỏe con người, tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước; hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu tới môi trường, hệ sinh thái biển.

Khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm phù hợp với quy hoạch sử dụng biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển.

- Dự án nhận chìm ở biển.

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm ở biển.

- Sơ đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá: Giấy phép nhận chìm ở biển. Hoặc Văn bản thông báo kết quả giải quyết TTHC.

**Dự án nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN (nếu có)
(Chức danh)

Ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

A. NỘI DUNG DỰ ÁN NHẬN CHÌM

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập dự án.
2. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Mục tiêu và sự cần thiết lập dự án.
4. Khái quát nội dung cơ bản của dự án.

Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA KHU VỰC NẠO VẾT, NHẬN CHÌM

1.1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị nhận chìm.

1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội (khu vực nạo vét, nhận chìm)

Các dữ liệu về các điều kiện tự nhiên gồm các loại dữ liệu về: địa lý, địa chất; khí hậu, khí tượng; số liệu thủy văn, hải văn trong thời gian ít nhất 03 năm gần nhất.

Tóm tắt các điều kiện về kinh tế - xã hội gồm: các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác); đặc điểm dân số, văn hóa, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, danh lam thắng cảnh đã được xác lập, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

1.3. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực nạo vét, nhận chìm ở biển

1.3.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

Thu thập dữ liệu về hiện trạng môi trường: chất lượng của các thành phần môi trường không khí; môi trường nước mặt, nước biển, nước dưới đất; môi trường đất, trầm tích.

Trường hợp thu thập dữ liệu về hiện trạng môi trường chưa đầy đủ thì thực hiện đo đạc, lấy mẫu phân tích về hiện trạng môi trường. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường.

Tổng hợp dữ liệu thu thập và kết quả đo đạc, phân tích để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khu vực thực hiện nạo vét, nhận chìm ở biển.

1.3.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Thu thập, tổng hợp dữ liệu về đa dạng sinh học tại khu vực nạo vét, nhận chìm ở biển và xung quanh;

1.4. Hiện trạng bờ biển khu vực nạo vét và xung quanh.

1.5. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Liệt kê, mô tả các đối tượng bị tác động bởi hoạt động nạo vét, nhận chìm ở biển và các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện.

1.6. Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển nhận chìm và các khu vực khác có liên quan.

1.7. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn nhận chìm ở biển

Thuyết minh sự phù hợp của vị trí, diện tích khu vực nhận chìm ở biển về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường.

Chương II **PHƯƠNG ÁN THI CÔNG NẠO VÉT, NHẬN CHÌM**

2.1. Phương án thi công nạo vét

2.2. Phương án thi công nhận chìm

2.2.1. Vị trí và quy mô:

- Xác định rõ tọa độ các điểm giới hạn của khu vực nhận chìm trên sơ đồ, bao gồm cả độ sâu và diện tích. Đánh giá sự phù hợp của độ sâu, diện tích khu vực nhận chìm.

- Tổng khối lượng vật liệu dự kiến nhận chìm (m^3), tính toán dựa trên khối lượng vật, chất nạo vét thực tế (bao gồm hệ số nở dãi, lẫn nước).

- Thời gian dự kiến thực hiện (ngày/tháng/năm).

2.2.2. Đặc điểm chất nhận chìm:

- Nêu rõ nguồn gốc phát sinh của vật liệu (Ví dụ: vật, chất nạo vét từ luồng hàng hải, cảng biển,...).

- Trình bày kết quả phân tích, đánh giá mẫu chất nạo vét theo các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, bao gồm: Thành phần hạt; thành phần hóa học; hàm lượng các chất ô nhiễm chính; hàm lượng chất phóng xạ,...

- Khẳng định vật liệu nhận chìm thuộc danh mục được phép theo quy định của pháp luật.

2.2.3. Phương pháp thi công và thiết bị:

- Thiết bị vận chuyển và nhận chìm: Liệt kê các loại tàu, sà lan, phao tiêu, cần cẩu, thiết bị xả đáy... kèm theo các thông số kỹ thuật (công suất, sức chứa...).

- Quy trình thi công:

+ Mô tả chi tiết quy trình từ lúc nạo vét (nếu là vật, chất nạo vét) đến vận chuyển và nhận chìm.

+ Xác định tuyến đường vận chuyển, tốc độ di chuyển của tàu.

+ Mô tả phương pháp nhận chìm (ví dụ: xả đáy, đổ tại chỗ...).

+ Số lượng chuyên, tần suất nhận chìm trong ngày.

2.2.4. Trình bày kế hoạch, tiến độ thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương III **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công nạo vét, nhận chìm ở biển

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

- Các tác động môi trường liên quan đến chất thải: do nước thải; do bụi, khí thải; do chất thải rắn sinh hoạt; do chất thải rắn thông thường; do chất thải nguy hại.

- Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung.

- Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác và các tác động khác (nếu có).

- Đánh giá cụ thể các tác động đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ biển và các vùng đất ven biển; bảo đảm sự lưu thông của các phương tiện trên biển; diễn biến bồi lắng, sạt lở bờ biển. Khuyến khích đánh giá tác động được thực hiện thông qua phương pháp mô hình toán và nội dung về kết quả tính toán của mô hình áp dụng lấy thêm ý kiến của tổ chức chuyên môn phù hợp.

- Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

- Đối với nước thải: chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải trong quá trình thi công nạo vét, nhận chìm.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (bao gồm chất thải xây dựng) và chất thải nguy hại: quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Đối với bụi, khí thải: các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Đối với tiếng ồn, độ rung: các công trình, biện pháp giảm ồn, rung.

- Đối với xói lở, bồi lắng: quy mô, vị trí, biện pháp ngăn ngừa xói lở, bồi lắng.

- Đối với các tác động đến đa dạng sinh học: các công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động đến đa dạng sinh học và phục hồi, bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

- Luận chứng, thuyết minh làm rõ việc đáp ứng các yêu cầu bảo vệ bờ biển, ven biển theo quy định và lựa chọn, đề xuất phương án thực hiện để bảo vệ bao gồm phạm vi, quy mô, thời gian thực hiện và các cam kết trong quá trình thực hiện nhằm giảm thiểu các tác động đến bờ biển, ven biển.

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (nếu có).

3.2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

3.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo về các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư đến môi trường.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản vẽ thiết kế sơ bộ của phương án nhận chìm.

Dự án nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN (nếu có)

(Chức danh)

Ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

A. NỘI DUNG DỰ ÁN NHẬN CHÌM MỞ ĐẦU

1. Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập dự án.
2. Sự phù hợp của dự án với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Mục tiêu và sự cần thiết lập dự án.
4. Khái quát nội dung cơ bản của dự án.

Chương I ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ NHẬN CHÌM

- 1.1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị nhận chìm.
- 1.2. Các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên ở khu vực biển dự kiến nhận chìm và các khu vực khác có liên quan (nếu có).
- 1.3. Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển nhận chìm và các khu vực khác có liên quan (nếu có).

Chương II PHƯƠNG ÁN NHẬN CHÌM

- 2.1. Trình bày về vật, chất đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển: tên, nguồn gốc, hình dáng, kích thước, khối lượng, các đặc tính vật lý, hóa học và thành phần của vật, chất đề nghị được nhận chìm.
- 2.2. Trình bày luận chứng, thuyết minh về mức độ chiếm dụng phân tán trong môi trường nước biển của vật, chất nhận chìm để xác định phạm vi khu vực biển cần sử dụng để nhận chìm.
- 2.3. Thuyết minh mô tả hình dáng, sơ đồ bố trí vật, chất nhận chìm và tính toán, xác định phạm vi ảnh hưởng.
- 2.4. Trình bày luận chứng, thuyết minh sự phù hợp về phương thức xử lý vật, chất đề nghị nhận chìm và phương thức nhận chìm, phương tiện chuyên chở.
- 2.5. Khả năng kiểm soát, giảm thiểu vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển tại

nguồn phát sinh.

2.6. Danh sách các chất cần kiểm soát trong vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển.

2.7. Trình bày kế hoạch, tiến độ thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương III

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

3.1. Dự báo các tác động, nguy cơ rủi ro cho môi trường biển do vật, chất đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển có thể gây ra.

3.2 Tác động tiềm năng của vật, chất đề nghị được nhận chìm đến tài nguyên, môi trường biển.

3.3. Những biện pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường biển trong quá trình thực hiện vận chuyển đến khu vực nhận chìm vật chất và trong quá trình thực hiện hoạt động nhận chìm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản vẽ thiết kế sơ bộ của phương án nhận chìm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành...)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) (nếu có).

Đề nghị được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, cụ thể như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật đề nghị nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của chất đề nghị nhận chìm;
2. Địa điểm khu vực đề nghị được nhận chìm: tại xã/phường quận/huyện tỉnh/thành phố ;
3. Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm là: ... (ha, Km²), được giới hạn bởi các Điểm góc..... có tọa độ thể hiện trên Bản đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm gửi kèm theo;
4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm;
5. Thời điểm và thời hạn đề nghị thực hiện hoạt động nhận chìm.

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
 (Ký tên, đóng dấu)

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X ()	Y (m)
1		
2		
...		
n		

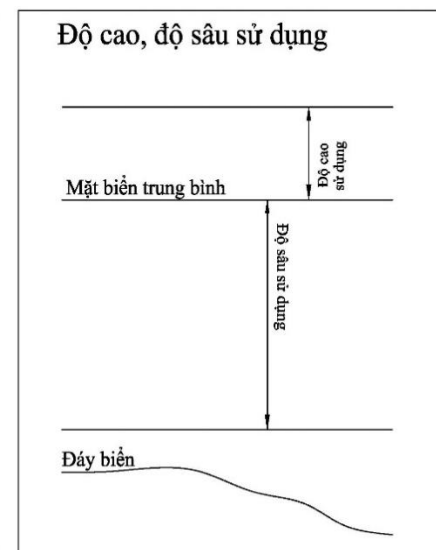
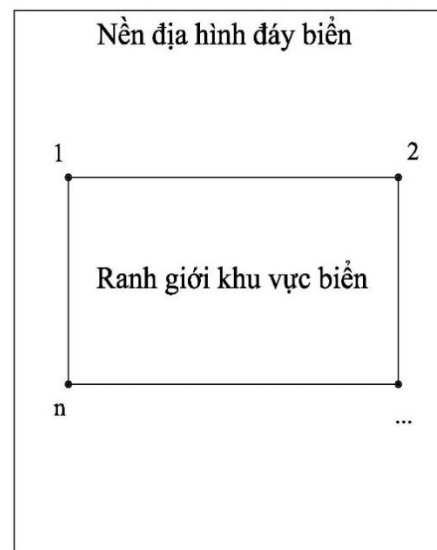
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển... (m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng

 Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

 Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

Mẫu số 11

**Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
(Bìa màu trắng)**

Số.....
Ngày cấp.....

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày... tháng... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ..... ;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày... tháng... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân) nộp tại ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.
2. Địa điểm khu vực nhận chìm:
3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.
4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:
5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường:.....

6. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân) chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT...;
-
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

**BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY
BAN NHÂN DÂN**
(Ký tên, đóng dấu)

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ⁽¹⁾ *(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số... ngày... tháng... năm... của ⁽²⁾)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải;

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất của chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.4. Các tác động khác (nếu có)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có): Nêu phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. Trường hợp dự án phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan).

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Tên dự án.

(2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

Mẫu số 11a: Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG**
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ. ;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:
5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân).....có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.
5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- 6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố, căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.
3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NNMT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký tên, đóng dấu)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC:

1. Thời gian thực hiện: 50 ngày và 04 ngày làm việc.

2. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,5 ngày
2	Thẩm định giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	48,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế	08 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
12	Đóng dấu, vào sổ, chuyển chuyên kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 2.

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC	0,25 ngày
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	0,25 ngày
3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	48,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
8	Xem hồ sơ chuyên chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
9	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Phòng Kinh tế	08 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Phòng Kinh tế	02 giờ
11	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
12	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
13	Đóng dấu, vào sổ, chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
14	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	02 giờ
15	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 3.

6. Tên TTHC: Sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển. Mã TTHC – 1.000969

(Theo Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện

Bước 1: nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền cấp của UBND tỉnh nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, dịch vụ bưu chính hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: kiểm tra hồ sơ: Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

Bước 3: thẩm định hồ sơ: Sở NNMT là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

- Hội đồng thẩm định hồ sơ: Dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Đối với các dự án còn lại, trường hợp cần thiết, Sở NNMT tham mưu với UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

- Sở NNMT tham mưu với UBND tỉnh ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong tỉnh, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Bước 4: trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở NNMT trình UBND tỉnh xem xét, ra quyết định cấp Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở NNMT trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bước 5: thông báo và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:

+ Quầy số 14 – 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện

- Trực tiếp.
- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển trong đó nêu rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Bản sao kèm theo bản chính đề đổi chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển thì không phải nộp tài liệu tại điểm này;

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu bổ sung thời gian để thực hiện hoàn thành hoạt động nhận chìm đã được cấp phép thì không phải nộp tài liệu tại điểm này.

- Sơ đồ khu vực biển trong trường hợp có sự thay đổi về ranh giới, diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 quy

định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu bổ sung thời gian để thực hiện hoàn thành hoạt động nhận chìm đã được cấp phép thì không phải nộp tài liệu tại điểm này.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết

* Thời hạn kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh chuyển ngay cho Sở NNMT.

* Thời hạn thẩm định hồ sơ

- Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

+ Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.

- Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

* Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

- Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

- Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở NNMT trình UBND tỉnh.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Giấy phép nhận chìm ở biển (sửa đổi, bổ sung). Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm (sửa đổi, bổ sung), Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.

(9) Phí, lệ phí:

Thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển: 12.500.000 đồng/giấy phép)

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 08	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển	
Mẫu số 11a	Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác	
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm	

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày;
- Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;
- Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển trong đó nêu rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp.

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời Điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển.

- Bản sao kèm theo bản chính đề đổi chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do có sự thay đổi quy mô nhận chìm; ranh giới, diện tích khu vực biển sử dụng để nhận chìm trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển.

- Sơ đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá

- Giấy phép nhận chìm ở biển (sửa đổi, bổ sung) Hoặc Văn bản thông báo kết quả giải quyết TTHC.

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm.....hoặc
Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm.....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số
..... ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy
ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết
ngày tháng ... năm

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên.

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của
pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

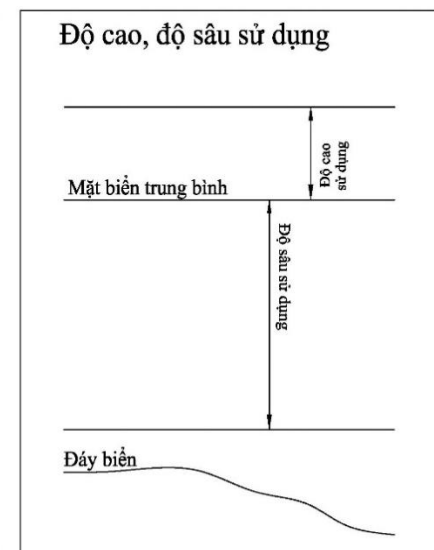
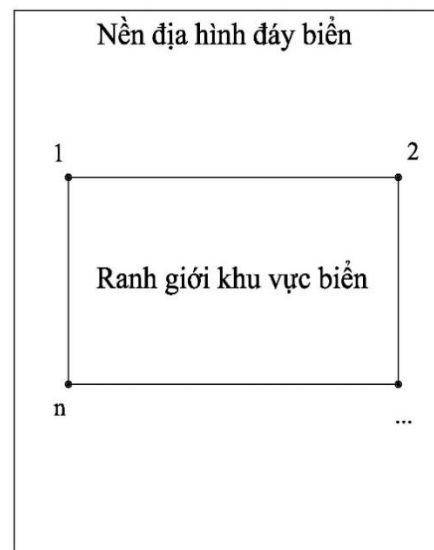
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển... (m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trục... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng

 Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

 Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

Mẫu số 11

**Giấy phép nhận chìm ở biển đối với dự án chỉ có hoạt động nạo vét
và nhận chìm ở biển**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
(Bìa màu trắng)**

Số.....
Ngày cấp.....

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG/ ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-BNNMT/UBND

...., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày... tháng... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ..... ;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày... tháng... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân) nộp tại ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường:.....

6. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NN&MT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT...;

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH ỦY

BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

-;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ⁽¹⁾ *(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số... ngày... tháng... năm... của ⁽²⁾)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có)

1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư (nêu rõ cả hạng mục công trình, hoạt động có tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường (nếu có).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

Nêu các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của nước thải;

- Nguồn phát sinh, quy mô (lưu lượng tối đa), tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) của bụi, khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường;

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất của chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.4. Các tác động khác (nếu có)

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải: Nêu các hạng mục công trình xử

lý nước thải (hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom và xử lý nước thải); nguồn tiếp nhận; dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải; mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải: Nêu các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải); dòng thải ra môi trường, vị trí xả thải, phương thức xả thải (nếu có); tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn thông thường phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (nêu các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung).

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải): phương án được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có): Nêu phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. Trường hợp dự án phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì thể hiện các thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác (nếu có)

Nêu phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (tập trung đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đối với phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên

nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan).

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường bao gồm: công trình (số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình), thiết bị và bảo đảm vật tư, dụng cụ, phương tiện cần thiết để ứng phó sự cố môi trường; bố trí lực lượng tại chỗ để bảo đảm sẵn sàng ứng phó với từng kịch bản sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.2. Giám sát môi trường

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án đầu tư.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Ghi chú:

(1) Tên dự án.

(2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

Mẫu số 11a: Giấy phép nhận chìm ở biển đối với các dự án khác

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../GP-BNNMT/UBND

..., ngày ... tháng năm

**GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ. ;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ thể hiện trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân).....có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố, căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... /Bộ NNMT;
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi:

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép nhận chìm ở biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... căn cước công dân hoặc căn cước hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

4. Căn cứ pháp lý của việc nhận chìm ở biển:

- Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày của (cơ quan cấp Giấy phép nhận chìm ở biển);

- Quyết định giao khu vực biển số ngày của (cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển);

- Khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển: ... m³;

- Thành phần của vật chất nhận chìm.....;

- Diện tích khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển: ... ha/m², tại vùng biển thuộc xã/phường/đặc khu....., tỉnh/thành phố.....;

- Thời hạn được cấp phép nhận chìm ở biển: ... tháng, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

II. Kết quả hoạt động nhận chìm ở biển từ ngày ... tháng.... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

A. Việc thực hiện các trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; nộp tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm ở biển (đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển

theo quy định).

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với các cơ quan có liên quan.

3. Đăng ký các phương tiện chuyên chở chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải địa phương và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đính kèm theo Danh sách phương tiện, trang thiết bị được sử dụng để thực hiện nhận chìm ở biển).

4. Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

5. Khối lượng vật chất đã được nhận chìm ở biển: ... m³; đạt ...% so với tổng khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển.

6. Việc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái.

7. Việc thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển theo quy định của Giấy phép nhận chìm ở biển.

B. Đánh giá việc thực hiện nhận chìm ở biển

- Đánh giá việc thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm.

- Đánh giá việc sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm; đánh giá tính an toàn và đảm bảo không bị hao hụt khối lượng trong quá trình nhận chìm.

- Đánh giá ảnh hưởng của việc nhận chìm ở biển đến chất lượng môi trường nước biển thông qua kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển; việc phân tán vật chất nhận chìm từ kết quả chạy mô hình (nếu có). Đánh giá việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình nhận chìm ở biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa việc nhận chìm ở biển với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển.

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC

a) Thời gian thực hiện: 30 ngày và 04 ngày làm việc.

b) Trình tự thực hiện

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,5 ngày
2	Thẩm định giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	28,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế	08 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
12	Đóng dấu, vào sổ, chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 2.

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC	0,25 ngày
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	0,25 ngày
3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	28,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
8	Xem hồ sơ chuyên chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
9	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Phòng Kinh tế	08 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Phòng Kinh tế	02 giờ
11	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
12	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
13	Đóng dấu, vào sổ, chuyển chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
14	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	02 giờ
15	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 3.

7. Tên TTHC: Trả lại giấy phép nhận chìm ở biển. Mã TTHC – 1.000942

(Theo Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền cấp UBND tỉnh nộp hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, dịch vụ bưu chính công ích hoặc thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

- Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

Hội đồng thẩm định hồ sơ: Dự án chỉ có hoạt động nạo vét và nhận chìm ở biển phải thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Đối với các dự án còn lại, trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

- Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên BPMC thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Bước 5 thông báo và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:

+ Quầy số 14 - 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.

- Qua dịch vụ bưu chính.

- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo Mẫu số 15 quy định tại Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ

Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

+ Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, UBND tỉnh, các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy

đủ hồ sơ.

+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.

Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

- *Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ*

Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp không được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

(9) Phí, lệ phí: Không có quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số	Tên mẫu	Văn bản quy định
Mẫu số 07	Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016
Mẫu số 12	Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả hoạt động nhận chìm ở biển	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực.

Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

Đến thời điểm đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân

thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển;
- Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp;
- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

- Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển Hoặc Văn bản thông báo kết quả giải quyết TTHC.

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:, Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số ..., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết ngày tháng ... năm.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
 (Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG**
(ỦY BAN NHÂN DÂN ...)

Mẫu số 12
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-(BTNMT, UBND)

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ... ..)

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../..../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm....);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép nhận chìm ở biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.....),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (UBND tỉnh.).

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) phải chấm dứt hoạt động nhận chìm ở biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố.) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND... (Bộ NNMT);
- Cục BHĐVN;
- Sở NN&MT tỉnh, thành phố...;

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu HS, VT.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi:

I. Thông tin chung

1. Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép nhận chìm ở biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... căn cước công dân hoặc căn cước hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

4. Căn cứ pháp lý của việc nhận chìm ở biển:

- Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày của (cơ quan cấp Giấy phép nhận chìm ở biển);

- Quyết định giao khu vực biển số ngày của (cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển);

- Khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển: ... m³;

- Thành phần của vật chất nhận chìm.....;

- Diện tích khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển: ... ha/m², tại vùng biển thuộc xã/phường/đặc khu....., tỉnh/thành phố.....;

- Thời hạn được cấp phép nhận chìm ở biển: ... tháng, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

II. Kết quả hoạt động nhận chìm ở biển từ ngày ... tháng.....năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

A. Việc thực hiện các trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; nộp tiền sử dụng khu vực

biển để nhận chìm ở biển (đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định).

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với các cơ quan có liên quan.

3. Đăng ký các phương tiện chuyên chở chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải địa phương và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đính kèm theo Danh sách phương tiện, trang thiết bị được sử dụng để thực hiện nhận chìm ở biển).

4. Lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

5. Khối lượng vật chất đã được nhận chìm ở biển: ... m³; đạt ...% so với tổng khối lượng vật chất được cấp phép nhận chìm ở biển.

6. Việc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái.

7. Việc thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển theo quy định của Giấy phép nhận chìm ở biển.

B. Đánh giá việc thực hiện nhận chìm ở biển

- Đánh giá việc thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm.

- Đánh giá việc sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm; đánh giá tính an toàn và đảm bảo không bị hao hụt khối lượng trong quá trình nhận chìm.

- Đánh giá ảnh hưởng của việc nhận chìm ở biển đến chất lượng môi trường nước biển thông qua kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được sử dụng để nhận chìm ở biển; việc phân tán vật chất nhận chìm từ kết quả chạy mô hình (nếu có). Đánh giá việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình nhận chìm ở biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa việc nhận chìm ở biển với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển.

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC:

1. Thời gian thực hiện: 30 ngày và 04 ngày làm việc.

2. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,5 ngày
2	Thẩm định giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	28,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
4	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
5	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
6	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
7	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế	08 giờ
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
12	Đóng dấu, vào sổ, chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm	Giờ hành chính

		PVHCC tỉnh	
--	--	------------	--

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 2.

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp tỉnh (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC	0,25 ngày
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	0,25 ngày
3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	28,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	04 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	02 giờ
6	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	02 giờ
7	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
8	Xem hồ sơ chuyên chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	02 giờ
9	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Phòng Kinh tế	08 giờ
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Phòng Kinh tế	02 giờ
11	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	02 giờ
12	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 giờ
13	Đóng dấu, vào sổ, chuyển chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	02 giờ
14	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	02 giờ
15	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 3.

8. Tên TTHC: Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh. Mã TTHC - 3.000435

(Theo Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức liên chính phủ gửi hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học thông qua đường ngoại giao.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài mà nước đó chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam hoặc tổ chức liên chính phủ chưa có cơ quan đại diện tại Việt Nam thì nộp trực tiếp đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Thời gian thực hiện: chậm nhất 06 tháng trước thời điểm dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo 046 cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.

- Bước 3: Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời.

Đối với các trường hợp có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển mà có ý kiến không đồng ý của 01 trong các Bộ: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài và yêu cầu tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

Thời gian tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép là trong vòng 30 ngày.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép trong thời hạn quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đánh giá khả năng và nhu cầu hợp tác của phía Việt Nam trên cơ sở ý kiến đề xuất hợp tác của các cơ quan và ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về nội dung, yêu cầu hợp tác. Tổ chức, cá nhân nước ngoài phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý hợp tác.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý hợp tác là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp đồng ý hợp tác, tổ chức, cá nhân nước ngoài và phía Việt Nam trao đổi, thảo luận các nội dung và điều kiện hợp tác, ký văn bản thỏa thuận hợp tác gửi bổ sung vào hồ sơ đề nghị cấp phép đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bước 4: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

- Bước 5: Quyết định việc cấp phép nghiên cứu khoa học

Chậm nhất trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định; trên cơ sở kết quả thẩm định, trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định và có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc cấp phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp phép, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định hoặc thuộc một trong các trường hợp từ chối cấp phép theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không đồng ý hợp tác trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam đối với hoạt động nghiên cứu

khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Thời hạn ra quyết định về việc cấp phép nghiên cứu khoa học đối với trường hợp nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 thì thời hạn 120 ngày xem xét ra quyết định cấp phép được tính từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh bổ sung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

Bước 6: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định cấp phép hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:
 - + Quầy số 14 – 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học được lập theo Mẫu số 01 tại

Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 1 năm 2026.

- Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nếu là tổ chức; văn bản chứng minh năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học;

- Văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác với phía Việt Nam ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học;

- Dự án hoặc kế hoạch nghiên cứu khoa học ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- *Thời hạn lấy ý kiến*: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

- *Thời hạn trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến*: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời hạn tiến hành thẩm định*: trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định.

- *Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ*: chậm nhất trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định Ủy ban nhân dân tỉnh phải quyết định về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp phép, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh kết thúc hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong biển Việt Nam trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 41/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016, thời hạn

120 ngày được tính từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh nội dung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân nước ngoài.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học.

(9) Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học có phạm vi ngoài vùng nội thủy, lãnh hải Việt Nam và không sử dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển: 4.000 (nghìn đồng/lần thẩm định)

- Hoạt động nghiên cứu khoa học có phạm vi trong vùng nội thủy, lãnh hải Việt Nam và không sử dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển: 5.300 (nghìn đồng/lần thẩm định)

- Hoạt động nghiên cứu khoa học có sử dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển: 6.000 (nghìn đồng/lần thẩm định)

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 01: Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh được ban hành kèm theo Nghị định số 44/2066/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 05: Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh được ban hành kèm theo Nghị định số 44/2066/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập; tổ chức quốc tế là tổ chức liên chính phủ; cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước nơi cá nhân mang quốc tịch;

- Có nhu cầu nghiên cứu khoa học độc lập hoặc hợp tác nghiên cứu khoa

học với phía Việt Nam; đối với trường hợp nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam thì phải có sự hợp tác với phía Việt Nam khi Việt Nam có yêu cầu;

- Hoạt động nghiên cứu khoa học vì mục đích hòa bình; không gây phương hại đến chủ quyền quốc gia, hoạt động quốc phòng, an ninh của Việt Nam; không gây ô nhiễm môi trường biển; không cản trở các hoạt động hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong vùng biển Việt Nam;

- Có đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025.
- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.
- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.
- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học được lập;
- Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nếu là tổ chức; văn bản chứng minh năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học;
- Văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác với phía Việt Nam ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học;
- Dự án hoặc kế hoạch nghiên cứu khoa học ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá: Quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm*

.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
TRONG VÙNG BIỂN TỈNH ...**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh...

1. Thông tin chung

1.1. Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:	
1.2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị cấp phép:	
Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài:	
Quốc tịch:	
Địa chỉ:	
Chức danh, tổ chức nơi làm việc (nếu là cá nhân):	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):	
Tên và cơ quan chịu trách nhiệm điều phối dự án lớn (nếu như hoạt động nghiên cứu là một dự án nhỏ trong một dự án lớn hơn):	
1.3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hợp tác (nếu có):	
Tên tổ chức, cá nhân Việt Nam:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):	
1.4. Tổ chức tài trợ (nếu có):	
Tên tổ chức:	
Người đại diện tổ chức:	

Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức tài trợ (nếu có):	
1.5. Các nhà khoa học (nước ngoài) tham gia hoạt động nghiên cứu:	
Tên nhà khoa học:	Quốc tịch:
Chức danh, tổ chức nơi làm việc:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):	
1.6. Các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu (nếu có):	
Tên nhà khoa học:	
Chức danh, tổ chức nơi làm việc:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):	

2. Mô tả hoạt động nghiên cứu

2.1. Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:
2.2. Nội dung và nhiệm vụ chính của hoạt động nghiên cứu:
2.3. Sản phẩm chính của hoạt động nghiên cứu:
2.4. Các hoạt động nghiên cứu đã tiến hành hoặc dự kiến sẽ tiến hành trong tương lai có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:
2.5. Các công bố khoa học trước đây có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

3. Vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu

3.1. Chỉ rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành các hoạt động nghiên cứu (nêu rõ cả vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu)
--

3.2. Bản đồ với tỉ lệ thích hợp thể hiện rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu, vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu (kèm theo Đơn đề nghị cấp phép)

4. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

4.1. Thông tin chi tiết của tàu thuyền:	
Tên:	Loại:
Quốc tịch (quốc gia tàu mang cờ):	Số đăng ký (IMO/Lloyds No.):
Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:	
Chủ sở hữu:	Chủ sử dụng:
Tổng chiều dài (mét):	Hạ thủy tối đa (mét):
Tổng trọng tải:	Động cơ:
Tốc độ tối đa:	Ký hiệu:
Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu thuyền nghiên cứu):	
Số INMARSAT, phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):	
Tên thuyền trưởng:	Số thuyền viên:
Số các nhà khoa học trên tàu:	
Tài liệu có liên quan được yêu cầu theo các quy định và điều ước quốc tế:	
Các thông tin có liên quan khác:	
4.2. Thông tin chi tiết của tàu bay:	
Tên:	Loại:
Quốc tịch (quốc gia tàu bay mang cờ):	
Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:	
Chủ sở hữu:	Chủ sử dụng:
Tổng chiều dài:	Tổng trọng tải:

Tốc độ tối đa:		
Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu bay):		
Phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):		
Chi tiết về gói cảm biến:		
Thông tin liên quan khác:		
4.3. Phương tiện nghiên cứu khác sử dụng:		
4.4. Thông tin chi tiết về các phương pháp và các công cụ nghiên cứu khoa học:		
Các loại mẫu vật và phương pháp lấy mẫu	Phương pháp sử dụng	Công cụ được sử dụng
4.5. Số lượng, tính chất của các chất đưa vào môi trường biển:		
4.6. Nêu rõ việc khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển dự kiến sẽ được thực hiện (Nếu có, chỉ rõ vị trí, tọa độ, độ sâu của việc khoan; chi tiết về phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường đáy biển, lòng đất dưới đáy biển sau khi khoan):		
4.7. Nêu rõ hóa chất dự kiến sử dụng, vụ nổ dự kiến thực hiện (Nếu có, chỉ rõ loại, tên thương mại, thành phần hóa học, kích thước, độ sâu của vụ nổ, tần suất của vụ nổ và vị trí, tọa độ nơi dự kiến thực hiện):		

5. Thiết bị nghiên cứu

Thông tin chi tiết về các thiết bị nghiên cứu (bao gồm tên, loại thiết bị, hình vẽ mô tả (nếu có) ngày lắp đặt, phương thức, thời gian dự kiến cho việc bảo dưỡng, vị trí, độ sâu và phương pháp lắp đặt):
--

6. Lịch trình nghiên cứu

6.1. Dự kiến ngày đầu tiên và ngày cuối cùng thực hiện hoạt động nghiên cứu:
6.2. Chi tiết lịch trình của toàn bộ chuyến nghiên cứu:

7. Các cảng tàu sẽ dừng

7.1. Ngày và tên các cảng dự định dừng:
7.2. Dịch vụ dự kiến sử dụng tại cảng dừng (nếu có):

7.3. Tên/địa chỉ/số điện thoại của hãng tàu (nếu có):

8. Đăng ký thông tin liên lạc

8.1. Kiểu, loại máy thông tin liên lạc:

8.2. Tần số vô tuyến sử dụng:

8.3. Thời gian liên lạc trong ngày:

9. Sự tham gia của nhà khoa học Việt Nam

9.1. Số người, thời gian tham gia nghiên cứu:

9.2. Quyền lợi, nghĩa vụ của nhà khoa học Việt Nam:

9.3. Ngày dự kiến và các cảng đón, trả nhà khoa học Việt Nam:

10. Báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu

10.1. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo kết quả nghiên cứu sơ bộ:

10.2. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo chính thức về kết quả nghiên cứu và các thông tin, dữ liệu, mẫu vật:

10.3. Phương thức gửi báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật thu được từ hoạt động nghiên cứu:

10.4. Phương thức để cung cấp cho Việt Nam việc đánh giá thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.5. Phương thức cung cấp sự hỗ trợ cho Việt Nam trong việc đánh giá, phân tích các thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.6. Phương thức xây dựng báo cáo kết quả cuối cùng của hoạt động nghiên cứu trên phương diện quốc tế:

11. Các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng

Nêu rõ việc thực hiện các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

12. Các tài liệu kèm theo

Nêu rõ các tài liệu gửi kèm theo.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
(sửa đổi, bổ sung)¹****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ. ;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam².

Chấp thuận cho ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học)... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam³.

1. Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:
2. Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:
3. Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
4. Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
5. Vật liệu nổ, chất độc, hoá chất nguy hiểm được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):
6. Lịch trình nghiên cứu:
7. Các cảng đến và đi (nếu có):
8. Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
9. Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng... năm ...

Điều 2. Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.
2. Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
3. Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
4. Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

² Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

³ Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyên kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ

hành chính công/Bộ phận Một cửa.

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC:

1. Thời gian thực hiện: 120 ngày.

2. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,5 ngày
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ</i>)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	105 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	01 ngày
4	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
5	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	0,5 ngày
6	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	0,5 ngày
7	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	0,5 ngày
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế	05 ngày
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	0,5 ngày
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	0,5 ngày
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 ngày
12	Đóng dấu, vào sổ, chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND	0,5 ngày

		tỉnh	
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Giờ hành chính

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,25 ngày
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	0,25 ngày
3	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ</i>)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	105 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	01 ngày
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở	0,5 ngày
6	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	0,5 ngày
7	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	0,5 ngày
8	Xem hồ sơ chuyên chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	0,5 ngày
9	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Phòng Kinh tế	05 ngày
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Phòng Kinh tế	0,5 ngày
11	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	0,5 ngày
12	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 ngày
13	Đóng dấu, vào sổ, chuyển chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày
14	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	0,25 ngày
15	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở	Giờ hành

		NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh	chính
--	--	------------------------------------	-------

9. Tên TTHC: Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh. Mã TTHC - 3.000436

(Theo Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện

Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thời gian gửi hồ sơ: chậm nhất 60 ngày trước ngày quyết định cấp phép hết hạn.

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định;

Bước 3: Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Bước 4: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

Bước 5: Quyết định việc sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

Bước 6: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển

thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:
 - + Quầy số 14 - 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến một phần (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ nội dung, lý do sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP;
- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung;
- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

(5) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.
- Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận

được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.

- Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân nước ngoài.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Người có thẩm quyền cấp phép: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có biển.
- Cơ quan giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân tỉnh có biển
- Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

(9) Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học có phạm vi ngoài vùng nội thủy, lãnh hải Việt Nam và không sử dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển: 3.700.000 đồng/lần thẩm định.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học có phạm vi trong vùng nội thủy, lãnh hải Việt Nam và không sử dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển: 4.000.000 đồng/lần thẩm định.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học có sử dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển: 4.500.000 đồng/lần thẩm định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số 02: Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

Mẫu số 05: Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (sửa đổi, bổ sung).

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp

phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định;

- Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học còn hiệu lực.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Thông tư số 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ nội dung, lý do sửa đổi, bổ sung được lập;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá

- Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm*

.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN TỈNH ...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:.....

Tên tổ chức, cá nhân:Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:Email:.....

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển tỉnh ... theo Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.**3. Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ...:**

- Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

- Lý do và giải trình đề nghị sửa đổi, bổ sung:

4. ...(Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh ... và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

5. Tài liệu gửi kèm theo đơn này:

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

- Các tài liệu làm cơ sở giải trình, chứng minh cho đề nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có)/.

Tổ chức/cá nhân làm đơn*(Ký tên, đóng dấu)*

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Số: .../QĐ-BNNMT/UBND

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
(sửa đổi, bổ sung)¹****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ. ;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và ông/bà/tổ chức (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam².

Chấp thuận cho ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch)... và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học)... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam³.

1. Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:
2. Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:
3. Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
4. Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
5. Vật liệu nổ, chất độc, hoá chất nguy hiểm được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):
6. Lịch trình nghiên cứu:
7. Các cảng đến và đi (nếu có):
8. Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
9. Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2. Ông/bà/tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.
2. Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
3. Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
4. Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố..., và ông/bà/tổ chức... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

² Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

³ Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

**UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ

hành chính công/Bộ phận Một cửa.

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC

a) Thời gian thực hiện: 60 ngày.

b) Trình tự thực hiện

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,5 ngày
2	Giải quyết hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ</i>)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	45 ngày
		Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,5 ngày
3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	01 ngày
4	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	0,5 ngày
5	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	0,5 ngày
6	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	0,5 ngày
7	Xem hồ sơ chuyển chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	0,5 ngày
8	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Kinh tế	05 ngày
9	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	0,5 ngày
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	0,5 ngày
11	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 ngày
12	Đóng dấu, vào sổ, chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND	0,5 ngày

		tỉnh	
13	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	Giờ hành chính

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Bộ phận TN và TKQ Sở NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	0,25 ngày
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại TTPVHCC tỉnh)	0,25 ngày
3	Thẩm định giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ)	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
		Chuyên viên	45 ngày
		Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	0,5 ngày
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	01 ngày
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Sở	0,5 ngày
6	Tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chuyển Lãnh đạo Văn phòng	Bộ phận Một cửa Văn phòng UB	0,5 ngày
7	Xem hồ sơ và chuyển hồ sơ đến công chức Phòng chuyên môn nghiệp vụ của VPUBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	0,5 ngày
8	Xem hồ sơ chuyên chuyên viên	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	0,5 ngày
9	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Phòng Kinh tế	05 ngày
10	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Phòng Phòng Kinh tế	0,5 ngày
11	Xem hồ sơ, ký tắt	Lãnh đạo Văn phòng phụ trách	0,5 ngày
12	Phê duyệt kết quả	Thường trực UBND tỉnh	04 ngày
13	Đóng dấu, vào sổ, chuyển chuyển kết quả đến TTPVHCC	Văn thư và Bộ phận Một cửa Văn phòng UBND tỉnh	0,25 ngày
14	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	0,25 ngày
15	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Bộ phận TN và TKQ Sở	Giờ hành

		NN&MT (tại Trung tâm PVHCC tỉnh)	chính
--	--	-------------------------------------	-------

B. CẤP XÃ**LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO****1. Tên TTHC: Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản. Mã TTHC - 3.000439**

(Theo Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Trong thời hạn không quá 30 ngày đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

- Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;
- Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị giao khu vực biển như sau:

- Trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;

- Trường hợp trong quá trình xem xét, cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển cho tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã lấy ý kiến các cơ quan quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP về tọa độ, diện tích, mục đích, thời hạn sử dụng khu vực biển nơi đề nghị giao khu vực biển và văn bản ý kiến của các cơ quan này được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị giao khu vực biển thì cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP không phải thực hiện thủ tục lấy ý kiến theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 33 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

Bước 4: Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc, thời gian kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Bước 5: Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều

5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.

Bước 6: Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bước 7: Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:
 - + Quầy số 14 - 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu

chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.
- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

- Phương án nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 16 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

- Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính:

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ;

+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 3 ngày.

+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

+ Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc

cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến cá nhân Việt Nam. Cá nhân Việt Nam gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu cá nhân Việt Nam không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển..

- Thời hạn trình, ra quyết định giải quyết hồ sơ:

Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời gian ra quyết định giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ; trường hợp không giao khu vực biển thì cơ quan thẩm định hồ sơ trả hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

- Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật sau ngày 15 tháng 7 năm 2014 được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP phải nộp hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (Nghị định số 44/2026/NĐ-CP)

và thực hiện thủ tục hành chính về giao khu vực biển được quy định tại mục này.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Điều 28 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

(9) Phí, lệ phí: Không quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 16	Phương án nuôi trồng thủy sản

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập;
- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc mã Số định danh cá nhân;
- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc Cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.
- Bản đồ khu vực biển.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

- Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã...²

Tên cá nhân

Địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số thẻ căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp.

Đề nghị được giao hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ... được thể hiện danh mục tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao đối với Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan.

CÁ NHÂN LÀM ĐƠN

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

² Người có thẩm quyền giao.

**DANH MỤC TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GIỚI HẠN
CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ GIAO**

*(Kèm theo đơn đề nghị giao khu vực biển của để nuôi trồng thủy sản
theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung
tại Luật số 146/2025/QH15)*

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			

Địa điểm tại khu vực biển ... xã... tỉnh....

Diện tích của khu vực biển: (ha/m²)

Độ sâu khu vực biển sử dụng: (m)

Độ cao khu vực biển sử dụng: (m)

Ghi chú:

Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 với kinh tuyến trực địa phương theo quy định của pháp luật về đo đạc bản đồ.

Độ cao, độ sâu khu vực biển so với mặt nước biển trung bình.

Các tọa độ vuông góc, diện tích, độ cao, độ sâu được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

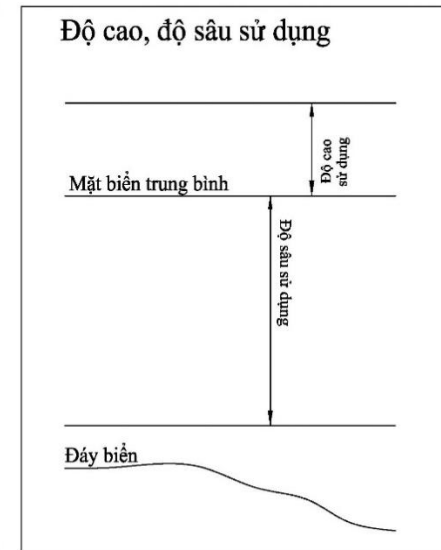
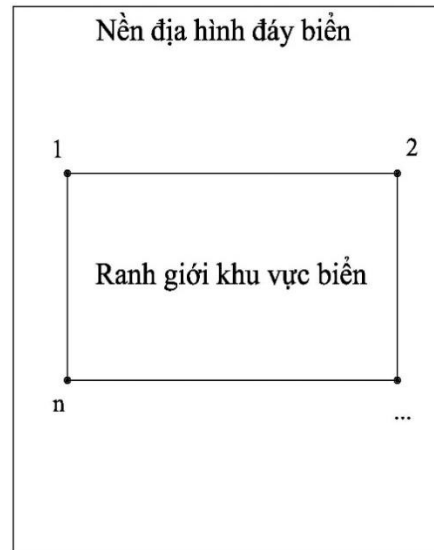
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển. ... (m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trục... múi chiều... Hệ độ cao... được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệ tại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ- UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;**Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên cá nhân)... nộp tại....;**Theo đề nghị của Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.****1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).****2. Mục đích sử dụng khu vực biển:**

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8 (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên cá nhân Việt Nam)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên cá nhân Việt Nam)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (tên cá nhân Việt Nam) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- Tên cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN
*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m³):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hào, rong biển... và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m³):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sống thoát.

Thời gian ngắt vụ/ngỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC:

1. Thời gian thực hiện: 30 ngày và 04 ngày làm việc

2. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC xã

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Công chức TTPVHCC	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)	Công chức Phòng Kinh tế	30 ngày
3	Ký tắt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	20 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC	Công chức nghiệp vụ văn thư	04 giờ
6	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 03 ngày tại bước 2.

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp xã (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC	02 giờ
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Ủy ban nhân dân xã (tại	02 giờ

		TTPVHCC xã)	
3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)	Công chức Phòng Kinh tế	30 ngày
4	Ký tắt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
5	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	20 giờ
6	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC	Công chức nghiệp vụ văn thư Văn phòng UBND xã	02 giờ
7	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	02 giờ
8	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 03 ngày tại bước 3.

2. Tên TTHC: Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản. Mã TTHC - 3.000441

(Theo Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

- Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

- Xác định số tiền sử dụng khu vực biển được hoàn trả (nếu có); các khoản nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện.

Bước 3: Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

- Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

Bước 4: Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này

không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.

Bước 5: Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền quyết định cho phép trả lại khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không cho phép trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bước 6: Quyết định cho phép trả lại khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:

- + Quầy số 14 - 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

- + Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.

- Qua dịch vụ bưu chính.

- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 03 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 12 Mục II Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

+ Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.

+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày;

+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.

- *Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:*

Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không cho phép trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển quyết định trả lại khu vực biển cho Cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 44/2026/NĐ-CP).

Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cho phép trả lại khu vực biển (toàn bộ) theo Mẫu số 07 ban của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP trường hợp không ra quyết định, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

(9) Phí, lệ phí: Không quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại khu vực biển
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển còn lại sau khi trả lại một phần diện tích khu vực biển (chỉ áp dụng đối với trường hợp trả lại một phần diện tích).
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển

Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển
-----------	--

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị trả lại khu vực biển;
- Bản chính Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;
- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển;
- Bản đồ khu vực biển.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

- Quyết định cho phép trả lại khu vực biển (toàn bộ) hoặc Quyết định giao khu vực biển mới đối với phần diện tích khu vực biển còn lại hoặc Văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

- Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

- Đề nghị được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.... về việc giao quyền sử dụng khu vực biển.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

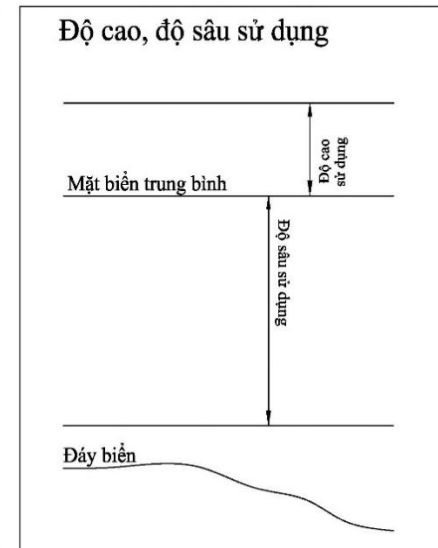
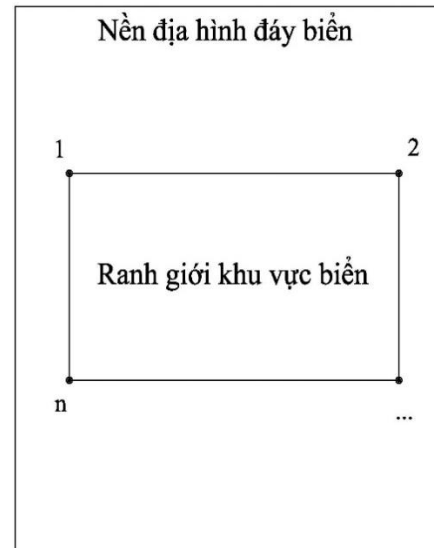
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển. ... (m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trục... múi chiều... Hệ độ cao... được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệ tại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;³

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (tên tổ chức, cá nhân)

Theo đề nghị của Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên cá nhân) được trả lại khu vực biển với diện tíchha trên tổng số diện tích khu vực biển đã giao là ...ha theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.....

Trụ sở/địa chỉ:.....Điện thoại: Fax:Email:.....

³ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên cá nhân) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển trong thời gian sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường tại khu vực biển được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

3.....

Điều 3. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xãvà tổ chức, cá nhân.....có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Phòng NN&MT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo

Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

TÊN CÁ NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN
TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...				
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC:

1. Thời gian thực hiện: 20 ngày và 04 ngày làm việc.

2. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC xã

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Công chức TTPVHCC	04 giờ
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)	Công chức Phòng Kinh tế	20 ngày
3	Ký tắt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	20 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC	Công chức nghiệp vụ văn thư Văn phòng UBND xã	04 giờ
6	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 03 ngày tại bước 2.

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp xã (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC	02 giờ
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Ủy ban nhân dân xã (tại TTPVHCC xã)	02 giờ

3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)	Công chức Phòng Kinh tế	20 ngày
4	Ký tắt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
5	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	20 giờ
6	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC	Công chức nghiệp vụ văn thư Văn phòng UBND xã	02 giờ
7	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	02 giờ
8	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 03 ngày tại bước 3.

3. Tên TTHC: Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản. Mã TTHC - 3.000442

(Theo Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Trong thời hạn không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

- Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

- Xác định tiền sử dụng khu vực biển và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

Bước 3: Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

- Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

- Trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có sự thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển (sửa đổi) theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển;

- Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực

địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

Bước 4: Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

Bước 5: Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển;
- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ra quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bước 6: Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có liên quan.

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:

+ Quầy số 14 - 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện

- Trực tiếp.
- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản có thay đổi về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản.

- Sơ đồ khu vực biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao theo Mẫu số 05 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP đối với trường hợp thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết

- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ

+ Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

+ Trường hợp cần thiết lấy ý kiến văn bản có liên quan, thời gian lấy ý kiến: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển;

+ Trường hợp cần thiết thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc;

+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan chuyên môn về

nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

- Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06a Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

(9) Phí, lệ phí: Không có quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển
Mẫu số 06a	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 16	Đề cương phương án nuôi trồng thủy sản trên biển (Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển)

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo;
- Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;
- Bản sao văn bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận thể hiện nội dung thay đổi liên quan đề nghị điều chỉnh.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC
 BIỂN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên cá nhân

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp.

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển số, ngày tháng năm của: Ủy ban nhân dân cấp xã... về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã..., tỉnh....

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên hoặc điểm chỉ)

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiếu...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

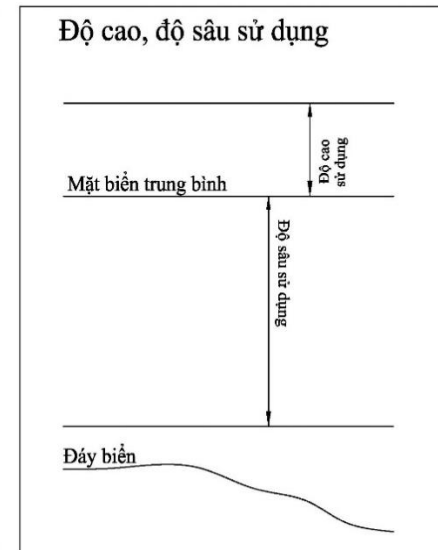
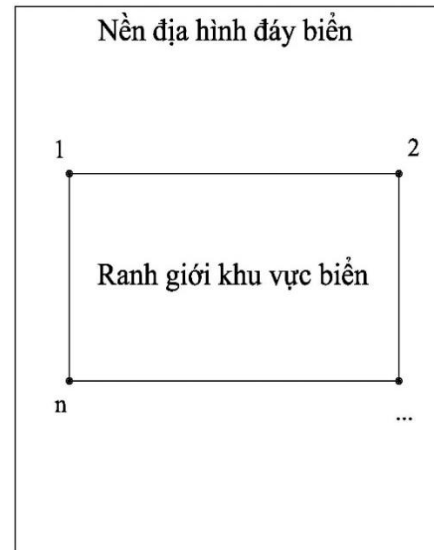
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển. ... (m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)....km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiếu... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng

----- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

 Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT/UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 (trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ văn bản ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc ...; (trừ trường hợp giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản);

Xét đơn và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân). nộp tại...;

Theo đề nghị của Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số/QĐ-UBND ngày.. tháng...

năm về việc giao khu vực biển

- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....
- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....
- Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân).....có nghĩa vụ:

1. Thực hiện các nghĩa vụ tại Quyết định này và Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển.

2. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định Quyết định này và Quyết định số /QĐ-UBND ngày.. tháng... năm về việc giao khu vực biển và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND, Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-;
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- UBND xã..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP XÃ**

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu

chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN
*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m3):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hào, rong biển... và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m³):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sông thoát.

Thời gian ngắt vụ/ngỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC

1. Thời gian thực hiện: 25 ngày và 03 ngày làm việc.
2. Trình tự thực hiện

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC xã

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Công chức TTPVHCC	0,5 ngày
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)	Công chức Phòng Kinh tế	24,5 ngày
3	Ký tắt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	16 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC	Công chức nghiệp vụ văn thư Văn phòng UBND xã	04 giờ
6	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 2.

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp xã (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC	0,25 ngày
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Ủy ban nhân dân xã (tại TTPVHCC xã)	0,25 ngày
3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)	Công chức Phòng Kinh tế	24,5 ngày
4	Ký tắt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
5	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	16 giờ
6	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công	Công chức nghiệp vụ	02 giờ

	chức TTPVHCC	văn thư Văn phòng UBND xã	
7	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	02 giờ
8	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 3.

4. Tên TTHC: Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản. Mã TTHC - 3.000443

(Theo Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân Việt Nam có nhu cầu công nhận khu vực biển nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 17 và Điều 22 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

- Hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP. Kết quả thẩm định phải được lập bằng văn bản;

- Xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể và các nghĩa vụ khác mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện (nếu có).

Bước 3: Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

- Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển (công nhận); cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

- Người có thẩm quyền công nhận khu vực biển có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển lấy ý kiến cơ quan có liên quan trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định;

- Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc.

Bước 4: Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển.

Bước 5: Việc trình, giải quyết hồ sơ thực hiện như sau:

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền công nhận khu vực biển;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền công nhận khu vực biển xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.

Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Bước 6: Quyết định giao khu vực biển phải được gửi đến cơ quan thuê và các cơ quan nhà nước có liên quan

(2) Địa điểm thực hiện

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp gồm:
 - + Quầy số 14 - 02733.993890 tại địa chỉ: số 377 đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 10 - 02773.898952 tại địa chỉ: số 10 đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (dichvucong.gov.vn).

(3) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp.

- Qua dịch vụ bưu chính.
- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản sao văn bản cho phép cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển;

- Sơ đồ khu vực biển theo Mẫu số 05 Mục III Phụ lục Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

Cá nhân không phải nộp một trong các văn bản, tài liệu quy định tại khoản này nếu các văn bản, tài liệu này đã được tích hợp, số hóa trong cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ:

Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ;

+ Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định việc giao khu vực biển;

+ Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày;

+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

- Thời hạn trình, ra quyết định giải quyết hồ sơ:

Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời gian ra quyết định giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biên quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

(9) Phí, lệ phí: Không quy định.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 05	Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển
Mẫu số 16	Phương án nuôi trồng thủy sản

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển được lập;

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc mã Số định danh cá nhân;

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc Cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

- Bản đồ khu vực biển.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá: Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã...⁴

Tên cá nhân

Địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số thẻ căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp.

Đề nghị được công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m; danh mục tọa độ các điểm giới hạn của khu vực biển đề nghị giao đối với Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển của cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

⁴ Người có thẩm quyền giao.

**DANH MỤC TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GIỚI HẠN
CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ GIAO**

*(Kèm theo đơn đề nghị giao khu vực biển của để nuôi trồng thủy sản
theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung
tại Luật số 146/2025/QH15)*

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1			
2			
...			
n			

Địa điểm tại khu vực biển ... xã... tỉnh....

Diện tích của khu vực biển: (ha/m²)

Độ sâu khu vực biển sử dụng: (m)

Độ cao khu vực biển sử dụng: (m)

Ghi chú:

Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 với kinh tuyến trực địa phương theo quy định của pháp luật về đo đạc bản đồ.

Độ cao, độ sâu khu vực biển so với mặt nước biển trung bình.

Các tọa độ vuông góc, diện tích, độ cao, độ sâu được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		

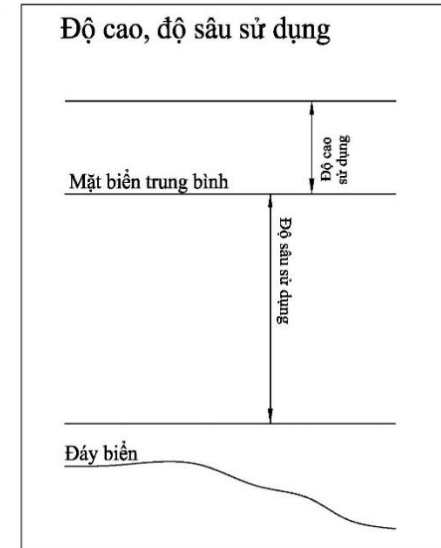
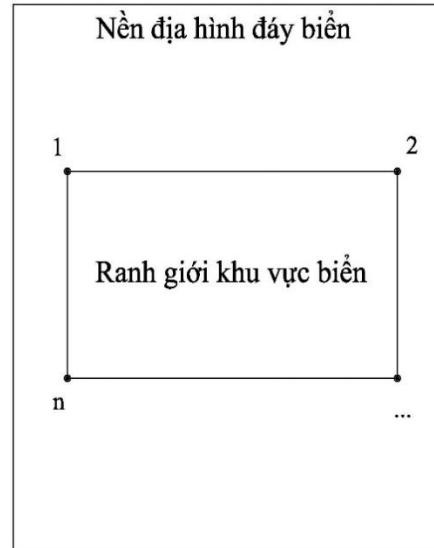
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m²)...

Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)...

Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)...

Ghi chú: Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển. ... (m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Tọa độ vuông góc, diện tích, độ sâu, độ cao



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trục... múi chiều... Hệ độ cao... được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệ tại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm Đường 03 hải lý (nếu có)  Đường 06 hải lý (nếu có)

được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP SƠ ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ- UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ...

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên cá nhân)... nộp tại...;

Theo đề nghị của Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:

3. Địa điểm khu vực biển: vùng biển... thuộc xã... tỉnh... (nếu có).

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), vị trí, tọa độ khu vực

biển tại sơ đồ khu vực biển kèm theo quyết định này, độ sâu được phép sử dụng so với mặt nước biển:....m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có).

5. Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

6. Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

7. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển:... (nếu thuộc các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển).

Cá nhân có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển theo số tiền sử dụng khu vực biển cụ thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

8..... (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên cá nhân Việt Nam).....có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản được phép chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Cơ quan thuế trên địa bàn có trách nhiệm báo ngay với cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức cá nhân được giao khu vực biển không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính về giao khu vực biển theo quy định.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên cá nhân Việt Nam)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (tên cá nhân Việt Nam) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
-;
- BNNMT/BHĐ;
- Sở NNMT tỉnh...;
- Cơ quan Thuế....
- Tên cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN
*(Áp dụng cho chủ thể là cá nhân đề nghị giao, sửa đổi, bổ sung,
 gia hạn thời hạn giao khu vực biển)*

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên cá nhân thực hiện:

Địa chỉ thường trú:

Số CCCD/Mã số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu:

Số điện thoại liên hệ:

Email:

6. Mã số cơ sở nuôi (nếu có)

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG ÁN

III. VỊ TRÍ VÀ QUY MÔ NUÔI BIỂN

Địa điểm thực hiện: (xã, tỉnh)

Tọa độ địa lý:

Diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng: ... ha

Sơ đồ khu vực nuôi:

Thời gian đề nghị giao khu vực biển:

Diện tích nuôi:

Quy mô công suất:

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ LAO ĐỘNG

Số lượng lồng/bè:

2. Tổng thể tích lồng bè (m³):

3. Trang thiết bị hỗ trợ (tàu, thuyền, máy sục khí, máy cho ăn tự động, hệ thống phao neo và dây neo, camera giám sát nếu có...):

4. Số lượng lao động và biện pháp bảo đảm an toàn lao động:

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC NUÔI

Loài nuôi: (cá biển, tôm hùm, ngọc trai, hào, rong biển... và tên khoa học)

Nguồn gốc giống: (tự ương, tên cơ sở cung cấp, có giấy kiểm dịch không)

Kích cỡ giống thả:

Mật độ thả giống (con/m³):

Phương thức nuôi: (nuôi lồng/bè, treo, bám đá, bán tự nhiên...)

Chu kỳ nuôi: ... tháng/vụ (theo từng đối tượng)

VI. KỸ THUẬT VÀ QUẢN LÝ NUÔI

Chuẩn bị lồng nuôi

Kỹ thuật thả giống

Kiểm tra điều kiện nuôi

Nguồn thức ăn: (thức ăn công nghiệp, cá tạp, tự chế...)

Chế độ cho ăn: (loại thức ăn, số lần/ngày, liều lượng)

Chế độ chăm sóc và quản lý:

Phòng bệnh và xử lý dịch bệnh:

Thu hoạch và bảo quản sản phẩm:

Xử lý sống thoát.

Thời gian ngắt vụ/nghỉ giữa 2 vụ.

Kế hoạch vệ sinh lồng/bè, lưới.

Biện pháp di chuyển lồng/bè khi có bão lũ.

Quản lý chất thải.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (TÓM TẮT)

Nguồn thải: chất thải hữu cơ từ thức ăn dư thừa, phân thải...

Biện pháp giảm thiểu: thu gom thức ăn thừa, xử lý chất thải, định kỳ vệ sinh lồng nuôi...

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường biển theo Luật Bảo vệ môi trường.

VIII. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

Sản lượng dự kiến: ... tấn/năm

Doanh thu dự kiến: ... đồng/năm

Chi phí đầu tư và vận hành:

Lợi nhuận dự kiến:

Tạo việc làm cho: ... lao động địa phương.

IX. CAM KẾT THỰC HIỆN

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng nội dung thuyết minh này nếu được cấp phép.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường biển.

Chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung thuyết minh và quá trình triển khai thực tế.

Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu vi phạm quy định

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ:Điện thoại:Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh

- Quốc tịch

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộpHình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:
- Mục đích hoạt động:
- Quy mô hoạt động:
- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế , trong đó: số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục

**THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN TRÊN
KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO**

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...	...			
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử của TTHC:

1. Thời gian thực hiện: 12 ngày và 04 ngày làm việc.
2. Trình tự thực hiện:

* Trường hợp nhận tại Trung tâm PVHCC xã

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức (trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến)	Công chức TTPVHCC	0,5 ngày
2	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)	Công chức Phòng Kinh tế	11,5 ngày
3	Ký tắt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	24 giờ
5	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC	Công chức nghiệp vụ văn thư Văn phòng UBND xã	04 giờ
6	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 2.

* Trường hợp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính

Bước	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
1	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ của cá nhân, tổ chức đến công chức TTPVHCC cấp xã (nơi có thẩm quyền giải quyết hồ sơ)	Công chức TTPVHCC	0,25 ngày
2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận TN và TKQ Ủy ban nhân dân xã (tại TTPVHCC xã)	0,25 ngày
3	Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải có văn bản thông báo cụ thể; thời hạn thông báo/yêu cầu bổ sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)	Công chức Phòng Kinh tế	11,5 ngày

	<i>sung thực hiện theo quy định của từng thủ tục hành chính)</i>		
4	Ký tắt hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	04 giờ
5	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã	24 giờ
6	Đóng dấu, vào sổ, chuyển công chức TTPVHCC	Công chức nghiệp vụ văn thư Văn phòng UBND xã	02 giờ
7	Chuyển kết quả cho TTPVHCC cấp xã (nơi nhận hồ sơ)	Công chức TTPVHCC (nơi có thẩm quyền giải quyết)	02 giờ
8	Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức	Công chức TTPVHCC	Giờ hành chính

Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định kiểm tra thực địa: thời gian xử lý cộng thêm 24 giờ (03 ngày làm việc) tại bước 3.